

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ  
VIỆN NGHIÊN CỨU QUẢN LÝ KINH TẾ  
TRUNG ƯƠNG**

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO TÓM TẮT KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU  
ĐỀ TÀI KHOA HỌC CẤP BỘ NĂM 2017**

**HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ XUẤT  
QUY TRÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM XÃ HỘI  
TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG PHI  
CHÍNH THỨC Ở VIỆT NAM**

**Chủ nhiệm đề tài: ThS. Hoàng Văn Cương**  
Nghiên cứu viên, Ban Chính sách Dịch vụ công

**HÀ NỘI, 2018**

## **DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN CHÍNH THAM GIA THỰC HIỆN ĐỀ TÀI**

1. Chủ nhiệm đề tài: **ThS. Hoàng Văn Cương**, Nghiên cứu viên Ban Chính sách Dịch vụ công, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

2. Thư ký đề tài:

- CN. Đỗ Thị Lê Mai, Nghiên cứu viên Ban Thể chế kinh tế, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- CN. Phạm Phú Minh, Nghiên cứu viên Ban Chính sách đầu tư, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

3. Các thành viên chính:

- TS. Nguyễn Mạnh Hải, Trưởng ban Ban Chính sách Dịch vụ công, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- NCS.ThS. Ngô Minh Tuấn, Phó Trưởng ban Ban Chính sách Dịch vụ công, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- NCS.ThS. Lưu Đức Khải, Phó Trưởng ban Ban Chính sách Dịch vụ công, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- CN. Nguyễn Hoàng Anh, Nghiên cứu viên Ban Chính sách Dịch vụ công, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- NCS.ThS. Bé Thu Trang, Nghiên cứu viên Ban Chính sách Dịch vụ công, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- ThS. Hoàng Xuân Diễm, Nghiên cứu viên Ban Chính sách phát triển nông thôn, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- ThS. Trần Trung Hiếu, Phó Trưởng ban Ban Thể chế kinh tế, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- CN. Nguyễn Thị Phương Loan, Phó Giám đốc Trung tâm Thông Tin Tư liệu, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- CN. Lê Mai Anh, Nghiên cứu viên Ban Chính sách kinh tế vĩ mô, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- NCS.ThS. Bùi Huy Nam, Chuyên viên, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

- NCS.ThS. Ngô Xuân Quyết, chuyên viên Vụ Lao động, Văn hóa, Xã hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

- CN. Lê Phương Nam, Nghiên cứu viên Ban Chính sách kinh tế vĩ mô, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- ThS. Hồ Thị Hồng Vân, Trưởng phòng Nhân sự, Văn phòng Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương.

- CN. Đào Thị Hồng Liên, Trưởng phòng Tài Vụ, Văn phòng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thành viên.

- CN. Nguyễn Thu Yến, Chuyên viên, Phòng Kế hoạch tổng hợp, Văn phòng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, thành viên.

## MỤC LỤC

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT .....	1
DANH MỤC BẢNG, HÌNH, HỘP VÀ SƠ ĐỒ .....	3
PHẦN MỞ ĐẦU .....	4
1. Tính cấp thiết và ý nghĩa nghiên cứu của đề tài .....	4
2. Tổng quan các công trình nghiên cứu hiện nay .....	4
3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu .....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	5
5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu .....	5
6. Kết cấu đề tài .....	5
<b>CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VÀ KINH NGHIỆM VỀ CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC</b> .....	6
1.1. Một số vấn đề lý luận chung .....	6
1.1.1 <i>Khái niệm và nội hàm</i> .....	6
1.1.2 <i>Vai trò và đóng góp bảo hiểm xã hội tự nguyện</i> .....	6
1.1.3 <i>Chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện</i> .....	6
1.1.4 <i>Quy trình tổ chức, triển khai chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện</i> .....	7
1.1.5 <i>Các nhân tố tác động, ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức</i> .....	7
1.2. Kinh nghiệm quốc tế về thực hiện, tổ chức triển khai chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức và bài học rút ra cho Việt Nam ...	7
1.2.1 <i>Kinh nghiệm quốc của một số quốc gia trên thế giới</i> .....	7
1.2.2 <i>Bài học rút ra Việt Nam</i> .....	9
<b>CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC Ở VIỆT NAM THỜI GIAN QUA</b> .....	10
2.1. Tổng quan về cơ chế, chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức thời gian qua .....	10
2.1.1 <i>Cơ sở ban hành chính sách về bảo hiểm xã hội tự nguyện</i> .....	10
2.1.2 <i>Từ khi ban hành Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 đến nay</i> .....	10
2.2. Thực trạng chính sách và quy trình thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức .....	10
2.2.1 <i>Về chính sách</i> .....	10
2.2.2 <i>Về quy trình thực hiện</i> .....	10

2.3. Kết quả thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức thời gian qua .....	11
2.3.1. <i>Mức độ bao phủ của hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện</i> .....	14
2.3.2. <i>Mức độ tác động của hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện</i> .....	14
2.3.3. <i>Mức độ bền vững về tài chính của hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện</i> .....	14
2.3.4. <i>Tốc độ phát triển và tỷ lệ hoàn thành kế hoạch số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện</i> .....	15
2.3.5. <i>Tốc độ phát triển và tỷ lệ hoàn thành kế hoạch số thu bảo hiểm xã hội tự nguyện</i> .....	16
2.3.6. <i>Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch số thu BHXH tự nguyện</i> .....	16
2.3.7. <i>Số đối tượng được hưởng bảo hiểm xã hội tự nguyện</i> .....	16
2.3. Đánh giá thực trạng chính sách và quy trình thực hiện hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức thời gian qua .....	17
2.4. Đánh giá các nhân tố tác động, ảnh hưởng việc thực hiện chính sách hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức thời gian qua.....	20
2.5. Đánh giá chung .....	25
2.5.1. <i>Kết quả đạt được</i> .....	25
2.5.2. <i>Hạn chế và nguyên nhân</i> .....	25
<b>CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ XUẤT QUY TRÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TỚI .....</b>	<b>27</b>
3.1. Bối cảnh mới tác động đến việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức .....	27
3.1.1. <i>Bối cảnh quốc tế</i> .....	27
3.1.2. <i>Bối cảnh kinh tế-xã hội trong nước</i> .....	27
3.1.3. <i>Chương trình cải cách toàn diện về bảo hiểm xã hội</i> .....	28
3.2. Mục tiêu .....	28
3.2.1. <i>Mục tiêu chung</i> .....	28
3.2.2. <i>Một số mục tiêu cụ thể</i> .....	28
3.3. Một số quan điểm định hướng nhằm hoàn thiện chính sách và quy trình thực hiện hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức trong thời gian tới..	29
3.3.1. <i>Quan điểm chung</i> .....	29
3.3.2. <i>Một số quan điểm cụ thể</i> .....	29
3.4. Các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức trong thời gian tới .....	29
3.4.1. <i>Căn cứ đề xuất giải pháp</i> .....	29

3.4.2. Một số giải pháp .....	29
3.4.3. Các điều kiện đảm bảo thực hiện .....	31
3.5. Đề xuất quy trình thực hiện hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức trong thời gian tới .....	31
KẾT LUẬN.....	33
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO .....	34

## DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT

STT	Từ viết tắt	Giải thích ý nghĩa
1.	ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
2.	ASXH	An sinh xã hội
3.	ASSA	Hiệp hội An sinh xã hội Đông Nam Á
4.	AWCF	Diễn đàn đền bù cho người lao động châu Á
5.	BHHT	Bảo hiểm hưu trí
6.	BHNT	Bảo hiểm nhân thọ
7.	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
8.	BHXH	Bảo hiểm xã hội
9.	BHYT	Bảo hiểm y tế
10.	BLĐTBXH	Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội
11.	CNTT	Công nghệ thông tin
12.	CP	Chính phủ
13.	ĐTV	Đơn vị tính
14.	EU	Liên minh châu Âu
15.	HTX	Hợp tác xã
16.	ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
17.	ISO	Tổ chức theo tiêu chuẩn quốc tế
18.	ISSA	Hiệp hội an sinh xã hội Quốc tế
19.	KELA	Tổ chức Bảo hiểm xã hội quốc gia
20.	KRUS	Quỹ Bảo hiểm xã hội nông nghiệp
21.	LLLĐ	Lực lượng lao động
22.	MELA	Tổ chức Bảo hiểm xã hội nông dân
23.	NĐ	Nghị định
24.	PCT	Phi chính thức

25. QĐ	Quyết định
26. SFR	Diễn đàn các quỹ Chủ quyền Toàn cầu
27. SL	Sắc lệnh
28. STT	Số thứ tự
29. TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
30. THCS	Thực hiện chính sách
31. TT	Thông tư
32. TW	Trung ương
33. TTg	Thủ tướng
34. UBND	Ủy ban nhân dân
35. UNDP	Chương trình phát triển Liên Hợp Quốc
36. WB	Ngân hàng thế giới

## **DANH MỤC BẢNG, HÌNH VÀ SƠ ĐỒ**

### **1. DANH MỤC CÁC BẢNG**

Bảng 2.1: Số người tham gia BHXH, BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện .....	12
Bảng 2.2: Tỷ lệ bao phủ BHXH phân theo khu vực.....	13
Bảng 2.3: Mức độ bao phủ của BHXH tự nguyện (2008-2014) .....	14
Bảng 2.4: Mức độ tác động lương hưu đến đời sống người tham gia BHXH tự nguyện (2010- 2012) .....	14
Bảng 2.5: Mức độ bền vững về tài chính của bảo hiểm xã hội tự nguyện (2008-2014) ..	15
Bảng 2.6: Kết quả dự báo quỹ BHXH tự nguyện.....	15
Bảng 2.7: Số người tham gia BHXH tự nguyện (2008-2014).....	15
Bảng 2.8: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch số lao động tham gia BHXH tự nguyện (2013- 2014).....	16
Bảng 2.9: Tình hình thu quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện (2008-2014).....	16
Bảng 2.10: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch số thu BHXH tự nguyện (2013- 2014) ...	16
Bảng 2.11: Số đối tượng được hưởng bảo hiểm xã hội tự nguyện (2009-2014).....	17
Bảng 2.12: Hiểu biết về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện .....	22
Bảng 2.13: Mức độ hiểu biết về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện.....	22
Bảng 2.14: Nguồn tiếp cận thông tin về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện ..	22
Bảng 2.15: Đánh giá về thủ tục đăng ký tham gia BHXH tự nguyện .....	23
Bảng 2.16: Mức đóng phí BHXH tự nguyện phù hợp .....	24

### **2. DANH MỤC CÁC HÌNH**

Hình 2.1: Tốc độ gia tăng bảo hiểm xã hội .....	13
Hình 2.2: Tỷ lệ và tốc độ gia tăng của BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện .....	13
Hình 2.3: Hiểu biết và tiếp cận thông tin về BHXH tự nguyện của lao động phi chính thức.....	23
Hình 2.4: Đánh giá của người đang tham gia về công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách BHXHHTN .....	23
Hình 2.5: Nhu cầu tham gia BHXH tự nguyện của người lao động PCT .....	24
Hình 2.6: Ý kiến của người lao động về mức đóng phí BHXH tự nguyện .....	24
Hình 2.7: Phương thức đóng phí.....	25

### **3. DANH MỤC SƠ ĐỒ**

Sơ đồ 1: Phương pháp tiếp cận, rà soát, đánh giá chính sách.....	18
Sơ đồ 2: Tổ chức, triển khai BHXH tự nguyện ở Việt Nam .....	19
Sơ đồ 3: Mô hình nghiên cứu đề xuất cho việc đánh giá nhân tố tác động, ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức .....	21



## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết và ý nghĩa nghiên cứu của đề tài

Bảo hiểm xã hội là một bộ phận cấu thành trong chính sách an sinh xã hội<sup>1</sup> nhằm góp phần đảm bảo cuộc sống đối với gia đình và những người tham gia khi gặp những trường hợp ốm đau, tai nạn,...; đây cũng là một bộ phận quan trọng góp phần “tự tạo” an sinh xã hội chủ động của người dân, giảm gánh nặng hỗ trợ/bảo trợ từ ngân sách của Nhà nước khi dân số nước ta ngày càng già hoá. Với số liệu trên cho thấy, số người tham gia BHXH tự nguyện là quá ít, xu hướng tăng chậm, dù đây lại là đối tượng chính sách được Đảng và Nhà nước hướng tới nhằm đảm bảo an sinh xã hội bền vững, thì chứng tỏ chính sách bảo BHXH tự nguyện còn nhiều bất cập cả về nội dung chính sách, quy trình tổ chức thực hiện, triển khai, sự hấp dẫn của loại hình bảo hiểm này và ngay cả chính nhận thức của người tham gia.

Đối với lao động phi chính thức hiện nay luôn ở trong tình trạng không bảo đảm về việc làm, yếu thế trong thỏa thuận tiền lương, không được hưởng các chế độ phúc lợi và không được bảo đảm đầy đủ các điều kiện lao động. Đặc biệt khi họ gặp rủi ro dẫn đến mất thu nhập, cũng như những thách thức lớn cho hệ thống an sinh xã hội quốc gia về bảo đảm an sinh xã hội. *Nguyên nhân giải thích cho tình trạng này có thể từ phía người lao động và chính nội dung hệ thống bảo hiểm này quy định. Đây chính là nút thắt khiến bảo hiểm xã hội tự nguyện còn chưa hấp dẫn, tỷ lệ người mới tham gia, nhất là diện lao động thuộc khu vực phi chính thức còn hạn hẹp.*

Với những lập luận nêu trên, việc kiến nghị thực hiện đề tài “***Hoàn thiện chính sách và đề xuất quy trình thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức ở Việt Nam***” là rất có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn.

### 2. Tổng quan các công trình nghiên cứu hiện nay

Hiện nay, có rất nhiều các nghiên cứu về bảo hiểm xã hội trên thế giới và Việt Nam. Tuy nhiên, nghiên cứu chuyên sâu có tính hệ thống từ cơ sở lý luận và đánh giá thực tiễn, đề xuất giải pháp chính sách và công cụ thực hiện về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức ở Việt Nam thì còn khoảng trống rất lớn.

Do vậy, việc chọn chủ đề “***Hoàn thiện chính sách và đề xuất quy trình thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức ở Việt Nam***” làm Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Bộ năm 2017 vừa đảm bảo tính kế thừa các kết quả nghiên cứu trước đó, vừa có ý nghĩa thực tiễn hiện nay khi Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 chính thức có hiệu lực và đi vào cuộc sống, mà vẫn không trùng lặp với các nghiên cứu đến thời điểm này.

### 3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu của Đề tài là đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách và

---

<sup>1</sup> Mô hình, cấu trúc chính sách an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội xem chi tiết tại Báo cáo nghiên cứu “Phát triển hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đến năm 2020” do Viện Khoa học lao động và xã hội và Cơ quan hợp tác Đức (GIZ) thực hiện năm 2013.

đề xuất quy trình thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức ở Việt Nam trong những năm tới đây. Để thực hiện mục tiêu này, Đề tài đề ra các nhiệm vụ cần thực hiện đó là:

- Một số vấn đề lý luận chung và kinh nghiệm quốc tế về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức.
- Phân tích thực trạng chính sách và quy trình tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức ở Việt Nam thời gian qua.
- Đề xuất các giải pháp hoàn thiện chính sách và quy trình thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức ở Việt Nam trong thời gian tới.

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

\* **Đối tượng nghiên cứu:** Chính sách và quy trình thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức ở Việt Nam.

\* **Phạm vi nghiên cứu:** Nội dung đề tài tập trung vào việc đánh giá chính sách và quy trình thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện. Đối với việc đánh giá về chính sách, Đề tài sẽ tập trung đánh giá giá chính đáng và chính sách hưởng. Đối tượng thụ hưởng chính sách ở đây sẽ tập trung là các lao động phi chính thức bao gồm các hộ nghèo, nhóm yếu thế, lao động trong lĩnh vực nông-lâm-ngư nghiệp. Đề tài sẽ không xem xét đến các hình thức bảo hiểm thương mại, các chế độ bảo trợ xã hội. Bên cạnh đó, Đề tài cũng không đi sâu vào việc đánh giá hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả triển khai bảo hiểm xã hội tự nguyện Việt Nam trong những năm qua.

#### **5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

**Cách tiếp cận:** Đề tài tiếp cận theo thể chế gồm các trụ cột: Hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện và đối tượng áp dụng/người sử dụng. Việc phân tích cụ thể dựa vào việc đánh giá 2 chủ thể liên quan gồm cơ quan quản lý nhà nước (hoạch định, tổ chức triển khai và thực hiện chính sách) và người lao động phi chính thức (người sử dụng dịch vụ) trong việc tham gia dịch vụ bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Để thực hiện các nhiệm vụ và mục tiêu đặt ra, Đề tài sử dụng phương pháp chính đó là phương pháp phân tích kết hợp với tổng hợp các nghiên cứu, kết quả nghiên cứu từ các công trình có liên quan và các công trình/báo cáo đánh giá về thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức.

Bên cạnh đó, Đề tài sử dụng phương pháp thống kê, phân tích các số liệu thứ cấp để làm cơ sở, căn cứ cho các nhận định và nội dung phân tích của Đề tài.

#### **6. Kết cấu đề tài**

Ngoài các phần như phần mở đầu, mục lục, danh mục từ viết tắt, danh mục bảng, biểu, hình, hộp và sơ đồ, cấu trúc/bố cục của Đề tài gồm các phần như sau:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận chung và kinh nghiệm quốc tế về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức.

Chương 2: Thực trạng chính sách và quy trình thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức ở Việt Nam trong thời gian qua.

Chương 3: Các giải pháp hoàn thiện chính sách và đề xuất quy trình thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức ở Việt Nam trong những năm tới.

# **CHƯƠNG 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VÀ KINH NGHIỆM VỀ CHÍNH SÁCH BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC**

## **1.1. Một số vấn đề lý luận chung**

### *1.1.1 Khái niệm và nội hàm*

#### **a. Bảo hiểm xã hội**

Theo Luật BHXH Việt Nam năm 2014: “BHXH là sự bảo đảm thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập của người lao động khi họ bị giảm hoặc mất thu nhập do ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hết tuổi lao động hoặc chết, trên cơ sở đóng góp vào quỹ BHXH”.

#### **b. Bảo hiểm xã hội tự nguyện**

Theo Luật BHXH Việt Nam năm 2014: Bảo hiểm xã hội tự nguyện là loại hình BHXH do Nhà nước tổ chức mà người tham gia được lựa chọn mức đóng, phương thức đóng phù hợp với thu nhập của mình và Nhà nước có chính sách hỗ trợ tiền đóng BHXH để người tham gia hưởng chế độ hưu trí và tử tuất.

#### **c. Lao động phi chính thức**

Khu vực kinh tế phi chính thức ở đây được hiểu là “*tất cả các doanh nghiệp không có tư cách pháp nhân, sản xuất ít nhất một hoặc một vài sản phẩm và dịch vụ để bán hoặc trao đổi, không đăng kí kinh doanh (không có giấy phép kinh doanh) và không thuộc ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản*” (gọi tắt là ngành nông nghiệp). Các doanh nghiệp như vậy được gọi là “*các hộ SXKD phi chính thức*”, phù hợp với từ dùng chính thức về loại hình SXKD này. Việc loại hoạt động SXKD trong lĩnh vực nông nghiệp ra khỏi định nghĩa là do đặc trưng hoạt động nông nghiệp và phi nông nghiệp có sự khác nhau, ví dụ như tính thời vụ, tổ chức lao động, mức thu nhập,... và công cụ điều tra khác nhau ở 2 khu vực này. Các hộ SXKD chính thức (có đăng ký kinh doanh) thuộc vào

ước mắt và lâu dài, trong đó có cả giải pháp về kinh tế.

### *1.1.2. Vai trò và đóng góp bảo hiểm xã hội tự nguyện*

- Góp phần ổn định cuộc sống cho bản thân và gia đình mọi người lao động trong xã hội

- Đảm bảo sự công bằng và bình đẳng giữa những người lao động

- Bảo hiểm xã hội tự nguyện trực tiếp góp phần đảm bảo an sinh xã hội

### *1.1.3. Chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện*

- Xác định đối tượng áp dụng

- Chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện

- Mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện

- Phương thức đóng
- Quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội tự nguyện

#### 1.1.4. Quy trình tổ chức, triển khai chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện

- Cơ sở triển khai chính sách BHXH tự nguyện
- Tổ chức bộ máy triển khai
- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội tự nguyện
- Quy trình, thủ tục đăng ký tham gia và giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện
- Quản lý đối tượng tham gia và thụ hưởng bảo hiểm xã hội tự nguyện
- Tổ chức thu - chi và đầu tư tăng trưởng quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện
- Thanh tra, kiểm tra và giám sát
- Hệ thống chỉ tiêu đánh giá kết quả triển khai bảo hiểm xã hội tự nguyện

#### 1.1.5. Các nhân tố tác động, ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức

##### a. Nhân tố nội sinh

- Về nội dung chính sách
- Hành vi người sử dụng

##### b. Nhân tố ngoại sinh

- Về Quy trình tổ chức, triển khai
- Về các chính sách hỗ trợ
- Về các điều kiện tác động

### 1.2. Kinh nghiệm quốc tế về thực hiện, tổ chức triển khai chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức và bài học rút ra cho Việt Nam

#### 1.2.1. Kinh nghiệm quốc tế của một số quốc gia trên thế giới<sup>2</sup>

##### a. Kinh nghiệm của Trung Quốc

Ngoài việc thực hiện BHXH bắt buộc, Trung Quốc thực hiện BHXH tự nguyện thông qua 2 chương trình: Chương trình BHHT bổ sung và BHXH tự nguyện đối với nông dân.

Trong quá trình đóng quỹ, người lao động có thể nhận lại số tiền đóng góp của mình trong các trường hợp như: Phải di chuyển chỗ ở sang tỉnh khác hoặc có lý do chính đáng nhưng chỉ được nhận lại số tiền do bản thân đóng góp còn phần của HTX không được nhận lại.

##### b. Kinh nghiệm của Thái Lan

<sup>2</sup> Lê Thị Quế và Bùi Huy Nam dựa trên tài liệu dịch của Philippe Marcadent, ILO, 2016.

Thái Lan thực hiện chính sách và quy trình bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người tự tạo việc làm và những người lao động sau khi đã ngừng tham gia bảo hiểm bắt buộc tối thiểu 12 tháng. Người lao động từ 15 đến 60 tuổi. Về chế độ hưởng gồm: Chế độ hưu trí, chế độ mất sức lao động vĩnh viễn, chế độ tử tuất, trợ cấp ốm đau và thai sản và trợ cấp gia đình. Về chính sách đóng: Người tham gia: 3% của tổng thu nhập hàng tháng cho chế độ hưu trí và trợ cấp gia đình. Trợ cấp mất sức lao động và tử tuất do chế độ ốm đau và thai sản chi trả (dưới đây). Người đóng tự nguyện nộp 9% cho thu nhập 4.800 baht. Các khoản đóng góp tự nguyện chi trả đối với chế độ hưu trí, mất sức lao động và tử tuất; trợ cấp ốm đau và thai sản; trợ cấp gia đình.

### *c. Kinh nghiệm một số quốc gia khác*

#### *Ở Pháp*

Đối tượng tham gia là nông dân, thợ thủ công, ngư dân.

Tổ chức triển khai: Do 2 cấp quản lý triển khai là cấp trung ương, cấp tỉnh hoặc liên tỉnh.

#### *Ở Phần Lan*

Các chế độ BHXH tự nguyện bao gồm: Bảo hiểm dài hạn (hưu trí, tàn tật) và bảo hiểm ngắn hạn (ốm đau, tai nạn, thất nghiệp).

Tổ chức triển khai: Do 2 cơ quan tổ chức triển khai, đó là tổ chức BHXH quốc gia (KELA) và tổ chức BHXH nông dân (MELA).

#### *Ở Thổ Nhĩ Kỳ*

Tổ chức triển khai: Được chia thành 2 tiểu hệ thống là BHXH tự nguyện đối với lao động tự do và BHXH tự nguyện đối với nông dân tự do.

Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện đối với lao động tự do bao gồm: Người lao động độc lập không có quan hệ lao động, vợ hoặc chồng thất nghiệp của lao động trong khu vực nông nghiệp, những người nội trợ, những người gốc Thổ có quốc tịch nước ngoài, vợ hoặc chồng trong khu vực nông nghiệp, thân nhân của những người Thổ định cư ở nước ngoài do điều kiện phải sống phụ thuộc và không có công việc ổn định.

Đối tượng tham gia BHXH tự nguyện đối với nông dân tự do bao gồm: Những người lao động tự do không thuộc đối tượng tham gia của BHXH bắt buộc.

#### *Ở Ba Lan*

- Đối tượng tham gia bao gồm: Những người không đáp ứng được các điều kiện đối với BHXH bắt buộc, đó là những người làm việc trong các trang trại nhỏ, những nông dân cá thể, các thành viên trong gia đình họ.

- Các chế độ bảo hiểm gồm: Chế độ ngắn hạn (ốm đau, thai sản, tai nạn, trợ cấp gia đình). Các chế độ bảo hiểm dài hạn (tuổi già, tàn tật, tử tuất).

#### *Ở Indonesia*

Người dân nông thôn chiếm đa số trong dân cư ở Indonesia và đa số trong số họ có thu nhập ở mức tối thiểu, thậm chí dưới mức tối thiểu. Vì vậy,

BHXH cho nông dân là một chương trình không thể thiếu trong phát triển nông nghiệp và nông thôn của Chính phủ Indonesia.

Các chế độ bao gồm: Chăm sóc y tế, tử tuất, mất sức lao động, hưu trí.

### *1.2.2. Bài học rút ra Việt Nam*

*Thứ nhất, về sự cần thiết:* Không một nước nào cùng một lúc ban hành một chính sách BHXH duy nhất để áp dụng chung cho mọi đối tượng lao động.

*Thứ hai, về đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện:* Tùy theo từng nước, nhưng đa số đối tượng tham gia BHXH tự nguyện là mọi đối tượng kể cả đối tượng thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc. Thông thường, ở các nước áp dụng đối với người lao động trong khu vực nông nghiệp và PCT.

*Thứ ba, về các chế độ bảo hiểm xã hội tự nguyện:* Tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước trong từng thời kỳ, mà có thể thực hiện một hay một số các chế độ BHXH. Tất cả các nước đều không áp dụng cả 9 chế độ theo Công ước 102 của ILO đối với BHXH tự nguyện, mà chỉ thực hiện một trong số các chế độ đó, đa số chế độ được áp dụng nhiều nhất là 2 chế độ dài hạn: Chế độ hưu trí và tử tuất.

*Thứ tư, về tài chính bảo hiểm xã hội tự nguyện:* Mức đóng và phương thức đóng, do đặc thù của nhóm đối tượng tham gia BHXH tự nguyện, đa số có mức thu nhập thấp và không ổn định, đặc biệt là lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp, thu nhập thường gắn với mùa vụ, nên các nước thực hiện mức đóng, phương thức đóng bảo hiểm rất mềm dẻo và linh hoạt, không giới hạn, không khống chế tối đa để đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tham gia bảo hiểm.

*Thứ năm, về tổ chức quản lý bảo hiểm xã hội tự nguyện:* Ở một số nước do tổ chức BHXH chuyên ngành của Nhà nước quản lý. Đứng đầu các tổ chức này là Hội đồng quản lý có đại diện của các bên tham gia BHXH. Song một số nước lại do các công ty BHXH tự nguyện, nhưng các công ty này chịu sự quản lý của cơ quan BHXH (cơ quan quản lý BHXH bắt buộc).

Mặc dù thực hiện riêng, nhưng các nước có thể thực hiện việc “liên thông” giữa BHXH tự nguyện và bắt buộc để đảm bảo quyền lợi liên tục cho người tham gia khi di chuyển trong thị trường lao động.

Nội dung chính của chương này đã làm rõ những vấn đề lý luận cơ bản về BHXH như khái niệm, bản chất, BHXH trong hệ thống chính sách ASXH. Là một loại hình nằm trong hệ thống BHXH nói chung nên BHXH tự nguyện cũng có bản chất như BHXH. Bên cạnh những điểm chung, BHXH tự nguyện có những điểm riêng biệt.

Ngoài ra, chương này cũng nghiên cứu tình hình triển khai BHXH tự nguyện ở một số nước trên thế giới đã có những thành công nhất định như ở Pháp, Phần Lan, Thổ Nhĩ Kỳ... Từ đó rút ra bài học kinh nghiệm trong việc hoàn thiện chính sách cũng như tổ chức triển khai BHXH tự nguyện ở Việt Nam trong thời gian tới.

## **CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG CHÍNH SÁCH VÀ QUY TRÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC Ở VIỆT NAM THỜI GIAN QUA**

### **2.1. Tổng quan về cơ chế, chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức thời gian qua**

#### *2.1.1. Cơ sở ban hành chính sách về bảo hiểm xã hội tự nguyện*

Trước khi ban hành Luật BHXH năm 2006, Đảng và Nhà nước ta đã có những quan điểm về chính sách BHXH tự nguyện, được thể hiện trong các Văn kiện. Như vậy, chính sách BHXH luôn được Đảng và Nhà nước ta quan tâm lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện. Với mục đích sớm hoàn thiện cơ chế chính sách, pháp luật về BHXH nói chung, BHXH tự nguyện nói riêng và tiến tới thực hiện BHXH toàn dân, góp phần đảm bảo ASXH. Điều này được thể hiện rất rõ trong các kỳ Đại hội của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn.

Chính vì vậy, năm 2006 Luật BHXH đã được ban hành và chính sách BHXH tự nguyện được thực hiện từ ngày 01/01/2008 đã mở ra cơ hội lớn cho người lao động tham gia BHXH tự nguyện.

#### *2.1.2. Hệ thống văn bản pháp lý về Bảo hiểm xã hội tự nguyện*

Giai đoạn từ năm 2014 đến nay, các văn bản pháp lý về bảo hiểm xã hội tự nguyện gồm có: (1). Luật bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014; (2). Nghị quyết số 93/2015/QH13 ngày 22/6/2015 của Quốc hội về việc thực hiện chính sách hưởng BHXH một lần đối với người lao động; (3). Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện; (4). Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH ngày 18/02/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật BHXH về BHXH tự nguyện.

### **2.2. Thực trạng chính sách và quy trình thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức**

#### *2.2.1. Về chính sách*

**Về đối tượng tham gia BHXH tự nguyện** gồm: Người tham gia BHXH tự nguyện là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên, không thuộc đối tượng tham gia đóng BHXH bắt buộc và người lao động đã đủ điều kiện về tuổi đời nhưng chưa đủ điều kiện về thời gian đóng để hưởng lương hưu theo quy định của pháp luật về BHXH.

#### **Về những quyền lợi được hưởng khi tham gia BHXH tự nguyện**

Người tham gia BHXH tự nguyện được hưởng quyền lợi về hưu trí, tử tuất, BHXH một lần như nhóm đối tượng tham gia BHXH bắt buộc: Hưu trí; tử tuất và BHXH một lần.

#### *2.2.2. Về quy trình thực hiện*

**Về hồ sơ tham gia BHXH tự nguyện:** Người lao động tham gia BHXH tự nguyện cần chuẩn bị các giấy tờ sau:



**\* Thủ tục tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) tự nguyện lần đầu**

Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện (mẫu số 01-TN)
- Bản sao giấy khai sinh

Lưu ý:

Trường hợp người đã tham gia BHXH tại nơi khác, cần bổ sung thêm:

- Sổ BHXH;
- Bản quá trình đóng BHXH (do cơ quan BHXH nơi đi cấp);
- Đã tham gia BHXH bắt buộc: nếu không có bản quá trình đóng BHXH thì nộp kèm bản photo sổ BHXH;
- CMND để đối chiếu với sổ BHXH.

**\* Thủ tục tham gia BHXH tự nguyện lần thứ hai**

Thủ tục tham gia BHXH tự nguyện tiếp tục sau thời gian tạm ngừng đóng hoặc đăng ký lại phương thức [đóng bảo hiểm xã hội](#):

Hồ sơ bao gồm:

- Giấy đề nghị thay đổi phương thức đóng (theo mẫu);
- Sổ BHXH.

Số lượng hồ sơ: 01 bộ

Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ của người tham gia BHXH tự nguyện, tổ chức BHXH có trách nhiệm cấp Sổ BHXH; trường hợp không cấp thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**2.3. Kết quả thực hiện bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức thời gian qua**

Hiện nay tại Việt Nam vẫn chưa phân tách được số liệu về bảo hiểm xã hội tự nguyện ở các tiêu chí phân loại như: loại chuyển đổi từ bảo hiểm xã hội chính thức sang bảo hiểm xã hội tự nguyện, tỷ lệ gia nhập mới của lao động phi chính thức. Các số liệu hiện nay của Bảo hiểm xã hội Việt Nam, Vụ Bảo hiểm xã hội – Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội và Tổng cục Thống kê-Bộ Kế hoạch và Đầu tư vẫn chỉ là phân loại theo 2 dạng: Bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm xã hội tự nguyện.

Trong thời gian qua, số lượng người tham gia bảo hiểm xã hội có nhiều chuyển biến, tuy nhiên tốc độ gia tăng còn chậm.

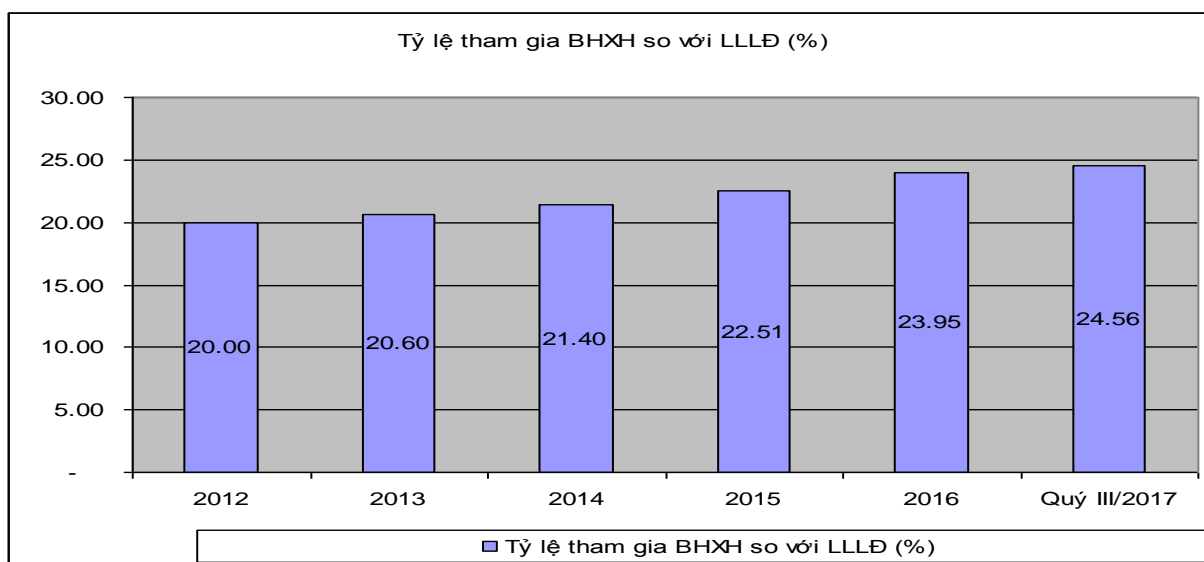


**Bảng 2.1: Số người tham gia BHXH, BHXH bắt buộc và BHXH tự nguyện**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2011	2012	2013	2014	2015	2016	Ước 2017	Kế hoạch		Đánh giá mức độ
									2015	2020	
<b>BẢO HIỂM XÃ HỘI</b>	Nghìn người	10200	10565	11057	11648	12289	13066	13818	18000	29000	Chưa đạt
<i>Trong đó</i>											
BHXH bắt buộc	Nghìn người	10104	10431	10889	11452	12072	12862	13584	17200	26000	Chưa đạt
BHXH tự nguyện	Nghìn người	96	133	168	196	217	204	234	800	3000	Chưa đạt
<b>Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia BHXH</b>	%	19,72	20,17	20,76	21,65	22,65	24,59	25,76	>30,0	>50,0	Chưa đạt
<i>Trong đó</i>											
BHXH bắt buộc	%	19,53	19,92	20,45	21,30	22,36	24,20	25,32	>29	>45	Chưa đạt
BHXH tự nguyện	%	0,19	0,25	0,31	0,35	0,40	0,38	0,44	>1	>5	Chưa đạt
Tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia BHXH	%						26,80				
Số người tham gia BHTN	Nghìn người	7986	8269	8676	9273	10308	10995	11778			
Tỷ lệ lực lượng lao động tham gia BHTN	%	15,60	15,80	16,30	17,15	18,95	20,69	21,96	>20	>35	Chưa đạt
<b>BẢO HIỂM Y TẾ</b>											
Tổng số tham gia BHYT	Nghìn người	57082	59310	61764	64230	67879	75833	79906			
Tỷ lệ dân số tham gia BHYT	%	64,90	66,81	68,84	70,79	76,40	81,75	85,59	75	>80	Vượt

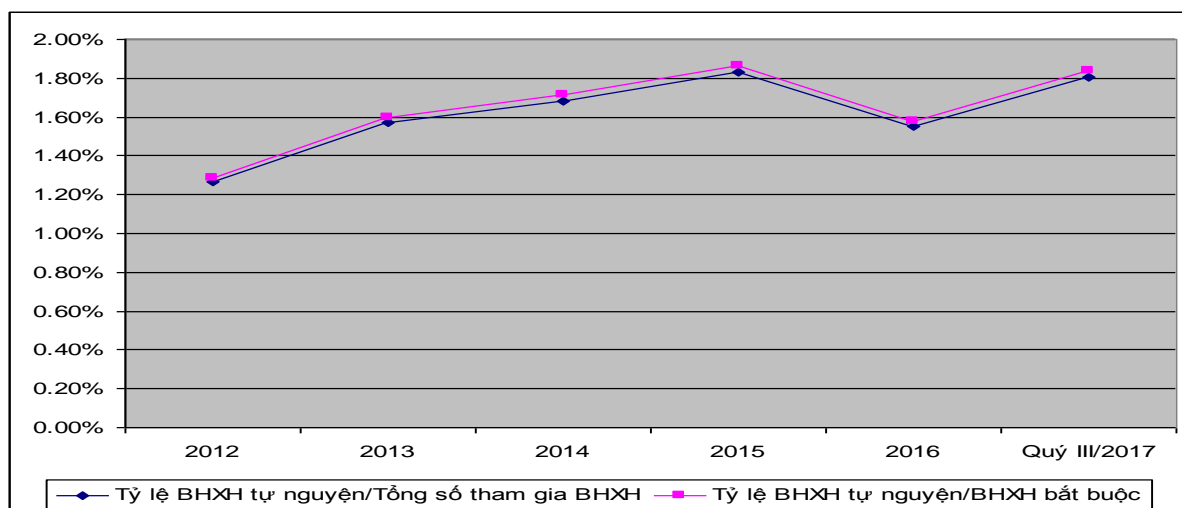
*Nguồn:* Tổng hợp số liệu từ Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam hằng quý hằng năm và Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết 70/NQ-CP năm 2017 của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

**Hình 2.1: Tốc độ gia tăng bảo hiểm xã hội**



*Nguồn:* Tổng hợp số liệu từ Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam hàng quý hàng năm.

**Hình 2.2: Tỷ lệ và tốc độ gia tăng của BHXH bắt buộc, BHXH tự nguyện**



**Bảng 2.2: Tỷ lệ bao phủ BHXH phân theo khu vực**

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	2012	2013
1	Theo khu vực			
	Khu vực nhà nước	Nghìn người	4.766	4.915
	Khu vực tư nhân	Nghìn người	2.742	2.891
	Khu vực có vốn ĐTNN	Nghìn người	2.508	2.618
	Khác (Tập thể, HTX, cá thể, hỗn hợp, ...)	Nghìn người	549	631
2	Tỷ lệ bao phủ			

	Khu vực nhà nước	%	90,6	93,1
	Khu vực tư nhân	%	63,1	66,5
	Khu vực có vốn ĐTNN	%	86,7	90,5
	Khác (Tập thể, HTX, cá thể, hỗn hợp, ...)	%	1,6	1,9

### 2.3.1. Mức độ bao phủ của hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện

**Bảng 2.3: Mức độ bao phủ của BHXH tự nguyện (2008-2014)**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
1	Lực lượng lao động	Nghìn người	48.340	49.302	50.837	51.854	52.580	53.550	54.400
2	Số người thuộc diện tham gia BHXH tự nguyện	Nghìn người	33.308	34.181	35.483	36.362	36.697	37.120	39.000
3	Số người tham gia BHXH tự nguyện	Người	6.100	41.193	81.319	104.518	133.831	173.584	196.254
4	Mức độ bao phủ BHXH tự nguyện so với LLLĐ	%	0,01	0,08	0,16	0,20	0,25	0,32	0,36
5	Mức độ bao phủ BHXH tự nguyện so với số người thuộc diện tham gia BHXH tự nguyện	%	0,02	0,12	0,23	0,29	0,36	0,47	0,50

Nguồn: Bảo hiểm xã hội Việt Nam

### 2.3.2. Mức độ tác động của hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện

**Bảng 2.4: Mức độ tác động lương hưu đến đời sống người tham gia BHXH tự nguyện (2010- 2012)**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	2010	2012
1	Tổng số người hưởng	Người	797	1.242
2	Lương hưu trung bình cả nước	đồng/người/tháng	1.320.800	1.840.600
3	Mức sống trung bình cả nước	đồng/người/tháng	1.211.000	1.603.000
4	Mức độ tác động	%	109,1	114,8

Nguồn: BHXHVN

### 2.3.3. Mức độ bền vững về tài chính của hệ thống bảo hiểm xã hội tự nguyện

**Bảng 2.5: Mức độ bền vững về tài chính của bảo hiểm xã hội tự nguyện (2008-2014)**

Năm	Thu quỹ BHXH tự nguyện (ĐVT: tỷ đồng)	Chi quỹ BHXH tự nguyện (ĐVT: tỷ đồng)	Mức độ bền vững về tài chính (ĐVT: %)
2008	10,757	3,0	27,8
2009	69,362	6,7	9,6
2010	174,378	25,4	14,5
2011	240,000	30,8	12,8
2012	415,100	56,6	13,6
2013	552,000	99,2	17,9
2014	711,600	160,3	22,5

Nguồn: BHXHVN

**Bảng 2.6: Kết quả dự báo quỹ BHXH tự nguyện**

ĐVT: Triệu đồng

Năm	Thu BHXH	Chi BHXH	Cân đối thu-chi trong năm	Tiền tồn quỹ năm trước chuyển sang	Lãi đầu tư trong năm	Tồn quỹ đến cuối năm
2009	69.361	597,5	68.763	10.797	-	79.560
2010	149.798	10.292	139.506	79.560	13.438	232.505
2028	118.395.458	9.863.795	108.531.663	780.246.353	75.106.097	963.884.112
2040	486.494.667	479.483.627	7.011.040	4.568.352.411	411.467.214	4.986.830.664
2041	537.148.728	572.490.583	-35.341.855	4.986.830.664	447.224.376	5.398.713.185
2053	1.507.497.988	4.082.033.046	-2.574.535.058	1.364.512.064	6.952.008	-1.203.070.986

Nguồn: BHXHVN.

2.3.4. Tốc độ phát triển và tỷ lệ hoàn thành kế hoạch số lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện

**Bảng 2.7: Số người tham gia BHXH tự nguyện (2008-2014)**

Năm	Số người tham gia BHXH tự nguyện (ĐVT: người)	Tốc độ phát triển (ĐVT: %)
2008	6.100	-
2009	41.193	675,3
2010	81.319	197,4
2011	104.518	128,5

2012	133.831	128,0
2013	173.584	129,7
2014	196.254	113,0

Nguồn: BHXHVN

**Bảng 2.8: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch số lao động tham gia BHXH tự nguyện (2013- 2014)**

Năm	Kế hoạch (ĐVT: người)	Thực hiện (ĐVT: người)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch ĐVT: %)
2013	168.250	173.584	103,2
2014	187.753	196.254	104,5

Nguồn: BHXHVN.

2.3.5. Tốc độ phát triển và tỷ lệ hoàn thành kế hoạch số thu bảo hiểm xã hội tự nguyện

**Bảng 2.9: Tình hình thu quỹ bảo hiểm xã hội tự nguyện (2008-2014)**

Năm	Thu quỹ BHXH tự nguyện (ĐVT: tỷ đồng)	Tốc độ phát triển (ĐVT: %)
2008	10,757	-
2009	69,362	644,8
2010	174,378	251,4
2011	240,000	137,6
2012	415,100	172,9
2013	552,000	132,9
2014	711,600	128,9

2.3.6. Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch số thu BHXH tự nguyện

**Bảng 2.10: Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch số thu BHXH tự nguyện (2013- 2014)**

Năm	Kế hoạch (ĐVT: tỷ đồng)	Thực hiện (ĐVT: tỷ đồng)	Tỷ lệ hoàn thành kế hoạch (ĐVT: %)
2013	533	552	103,5
2014	690	711,6	103,1

Nguồn: BHXHVN

2.3.7. Số đối tượng được hưởng bảo hiểm xã hội tự nguyện

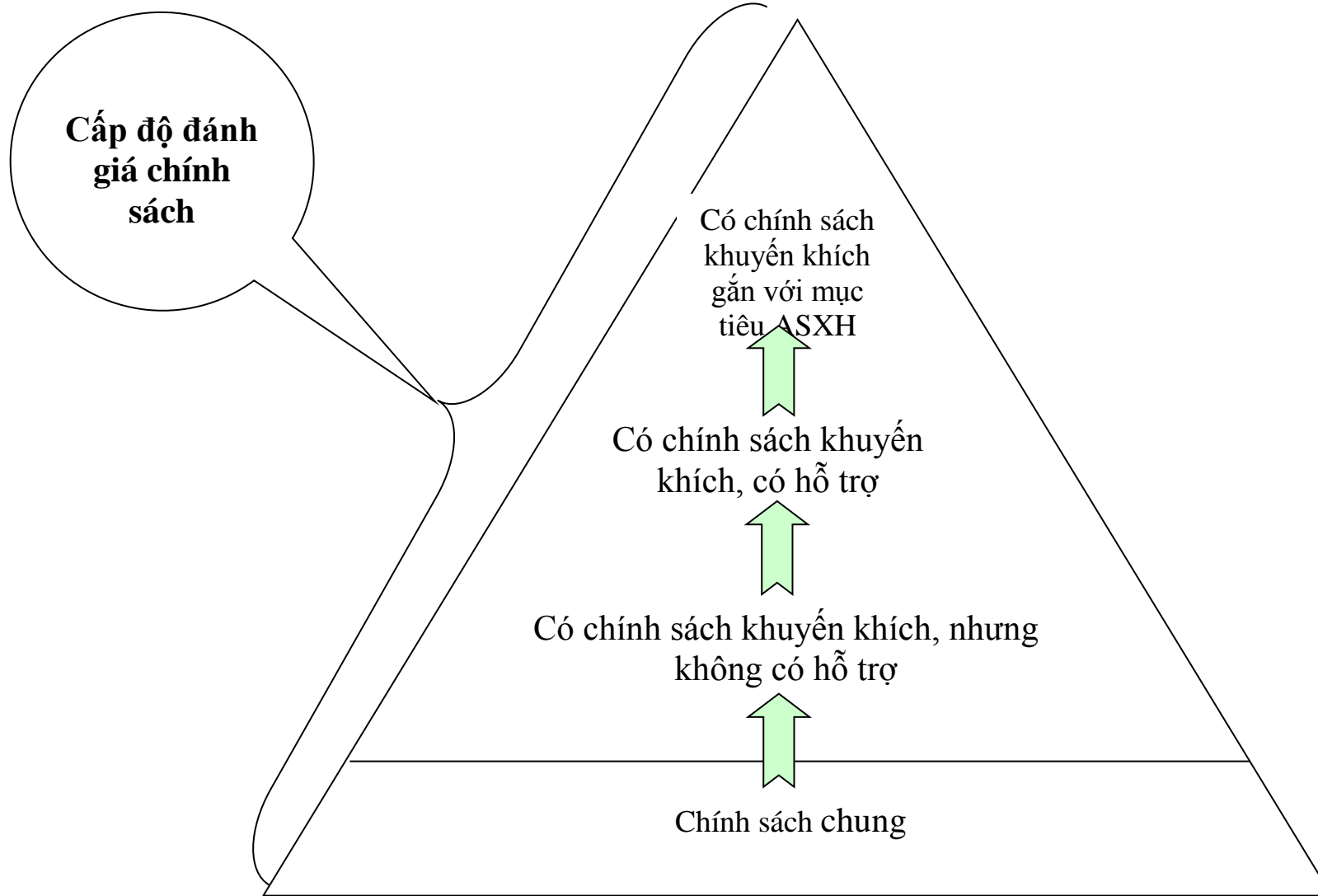
**Bảng 2.11: Số đối tượng được hưởng bảo hiểm xã hội tự nguyện (2009-2014)**

Loại chế độ	Số người hưởng (người)					
	2009	2010	2011	2012	2013	2014
<b>Chế độ hưu trí</b>						
Chi trả hàng tháng	625	797	820	1.242	1.527	3.411
Trợ cấp 1 lần trước khi nghỉ hưu		4	19	17	24	57
Chi trả chế độ BHXH 1 lần		261	1.286	2.412	3.677	4.568
<b>Chế độ tử tuất</b>						
Chi phí mai táng		21	20	23	25	30
Tuất hàng tháng		2	4	7	18	22
Tuất 1 lần		19	54	103	166	182
<b>Cộng</b>	<b>625</b>	<b>1.104</b>	<b>2.203</b>	<b>3.804</b>	<b>5.437</b>	<b>8.270</b>

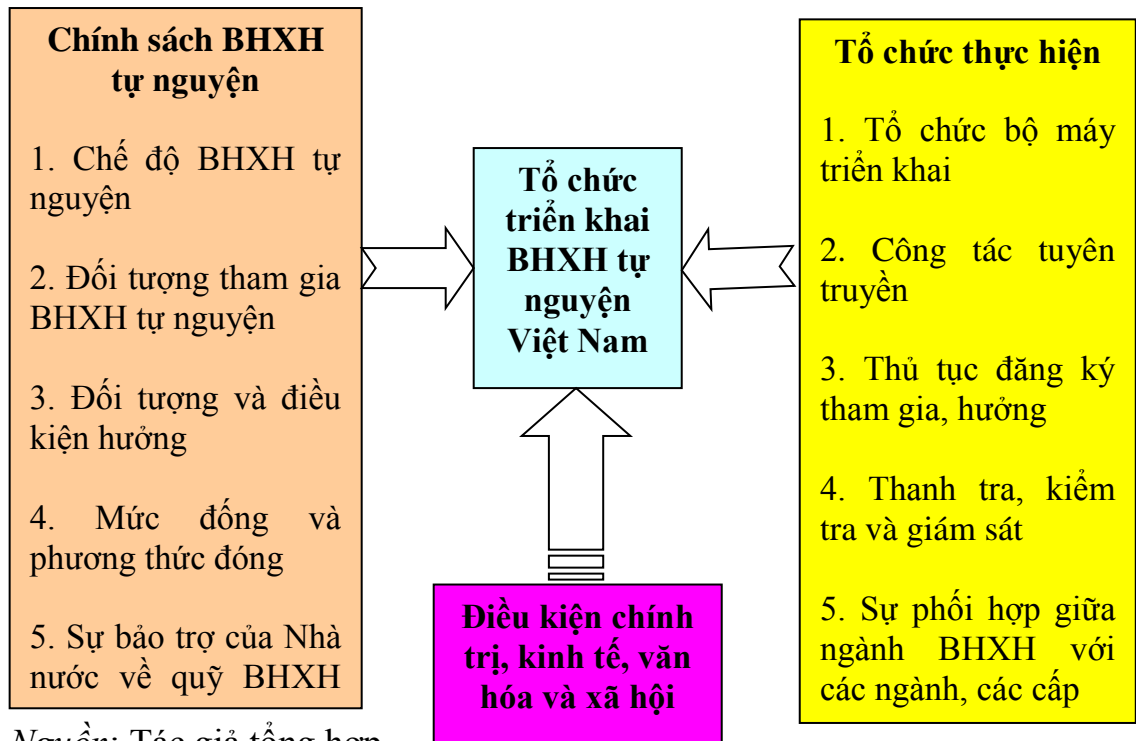
*Nguồn: BHXHVN*

### **2.3. Đánh giá thực trạng chính sách và quy trình thực hiện hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức thời gian qua**

### Sơ đồ 1: Phương pháp tiếp cận, rà soát, đánh giá chính sách



## Sơ đồ 2: Tổ chức, triển khai BHXH tự nguyện ở Việt Nam



Nguồn: Tác giả tổng hợp.

### **Thứ nhất, về chế độ hưởng.**

Như vậy ở đây thể hiện sự không công bằng trong chế độ hưởng đối với người tham gia BHXH tự nguyện.

### **Thứ hai, về thủ tục đóng và mức đóng.**

Như vậy, theo quy định trên thì vấn đề hộ khẩu và nơi cư trú dài hạn là một điều kiện tiên quyết trong việc làm thủ tục đóng BHXH tự nguyện, mà điều kiện này, nếu áp dụng vào đối tượng là lao động tự do, lao động phi chính thức với bản chất không ổn định trong cả công việc và nơi làm việc, di chuyển liên tục thì rất khó có thể tạo ra sự hấp dẫn đối với đối tượng này tham gia được.

### **Thứ ba, về chế độ trợ cấp.**

Về mặt chính sách hỗ trợ theo Quy định của Nhà nước thì đến 01/01/2018 mới có thể triển khai chính sách này. Tuy vậy, đối với đối tượng lao động phi chính thức lại không có chính sách cụ thể, riêng biệt nào. Do đó khó có thể khuyến khích hoặc thu hút đối tượng này tham gia loại hình BHXH tự nguyện. Mà chính đối tượng này lại chiếm khá cao trong lực lượng lao động.

### **Thứ tư, về nội dung chính sách và quy trình tổ chức triển khai, thực hiện đối với BHXH tự nguyện.**

Một số bất cập trong thực hiện Nghị định số 115/2015/NĐ-CP quy định về việc đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc chính thức như người lao động Việt Nam ở nước ngoài chịu gánh nặng lớn hơn nhưng quyền lợi ít hơn so với người lao động Việt Nam ở trong nước,...; vấn đề về sự linh hoạt trong mức đóng, phương thức đóng và các thủ tục kèm theo; ...

### **Thứ tư, về tổ chức bộ máy triển khai.**

Bảo hiểm xã hội tự nguyện là một chính sách mới của Đảng và Nhà



nước ta đối với người lao động là nông dân, ngư dân, diêm dân và lao động ở khu vực PCT. Để BHXH tự nguyện thực phát huy được tính nhân văn của nó, thì ngoài việc Nhà nước ban hành chính sách BHXH tự nguyện phù hợp với thực tiễn, công tác tổ chức bộ máy triển khai cũng hết sức quan trọng.

#### ***Thứ sáu, về công tác tuyên truyền.***

Công tác tuyên truyền để đưa chính sách vào thực tiễn vẫn chưa được thực hiện đồng bộ. Bên cạnh đó, vẫn còn những thủ tục cần phải đơn giản hoá cho người tham gia khi thay đổi địa điểm cư trú và vấn đề quản lý thông tin cần hiện đại hoá và thực hiện đồng bộ,... cũng là một rào cản để thu lao động tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

#### ***Thứ bảy, về nhận thức và khả năng về thu nhập, sự sẵn sàng của đối tượng lao động thuộc khu vực phi chính thức.***

Khu vực phi chính thức và kinh tế phi chính thức ở Việt Nam hiện nay<sup>3</sup> trong thời gian qua cho thấy một số đặc điểm nổi lên đó là: (1) Khu vực phi chính thức có quy mô lớn, nhưng việc làm bấp bênh, lao động giản đơn chiếm đa số và trình độ nhận thức còn hạn chế.

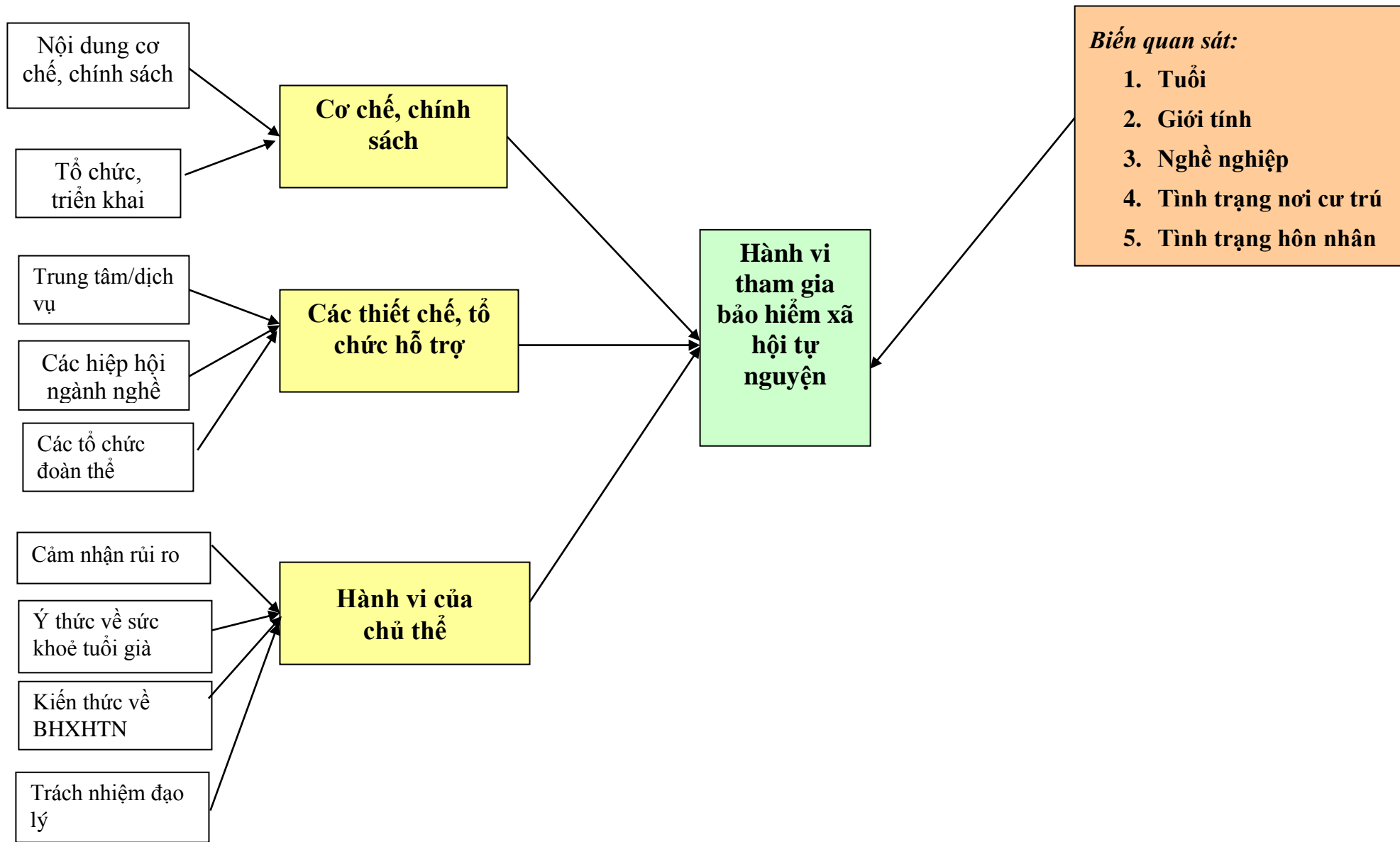
#### **2.4. Đánh giá các nhân tố tác động, ảnh hưởng việc thực hiện chính sách hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức thời gian qua**

Với sơ đồ đánh giá chính sách như hiện nay về quy trình tổ chức, triển khai BHXH tự nguyện ở Việt Nam như hiện nay cho thấy: Việc người lao động phi chính thức hay lao động tự do tham gia BHXH tự nguyện là còn thấp, được giải thích bởi nhiều nhân tố, trong đó có nhân tố nội sinh và ngoại sinh như đã nêu tại Chương 1.

---

<sup>3</sup> Nhận diện khu vực phi chính thức theo cách hiểu của quốc tế bao gồm các doanh nghiệp trong lĩnh vực phi nông nghiệp không thực hiện đăng ký kinh doanh (còn gọi là hộ gia đình kinh doanh không chính thức. Còn theo cách hiểu của Việt Nam thì xem chi tiết trong Điều 49, Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.

**Sơ đồ 3: Mô hình nghiên cứu đề xuất cho việc đánh giá nhân tố tác động, ảnh hưởng đến việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức**



Việc tiếp cận thông tin của người lao động hiện nay vẫn còn hạn chế, được thể hiện ở bảng dưới đây:

**Bảng 2.12: Hiểu biết về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện**

STT	Nội dung	Cán bộ xã phường		Nông dân và PCT	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Không	1	1	22	5,5
2	Có	99	99	378	94,5
	<b>Tổng</b>	<b>100</b>	<b>100</b>	<b>400</b>	<b>100</b>

Nguồn: Viện Khoa học Lao động Xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội năm 2017.

**Bảng 2.13: Mức độ hiểu biết về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện**

STT	Mức độ	Cán bộ xã phường		Nông dân và PCT	
		Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Biết rất rõ	23	23,23	15	3,97
2	Biết mức độ	63	63,64	177	46,83
3	Biết ít	13	13,13	186	49,20
	<b>Tổng</b>	<b>99</b>	<b>100</b>	<b>378</b>	<b>100</b>

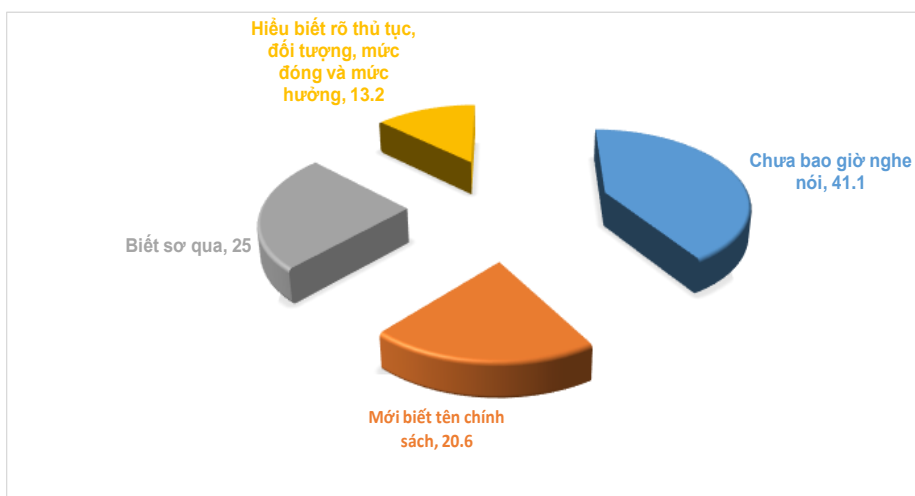
Nguồn: Viện Khoa học Lao động Xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội năm 2017.

**Bảng 2.14: Nguồn tiếp cận thông tin về chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện**

STT	Kênh thông tin	Cán bộ xã phường		Nông dân và PCT	
		Số lượng (ý kiến)	Tỷ lệ (%)	Số lượng (ý kiến)	Tỷ lệ (%)
1	Người thân, bạn bè	4	4,04	121	32,01
2	Tổ chức BHXH	43	43,43	70	18,52
3	Hội, đoàn thể xã phường	77	77,78	144	38,1
4	Hệ thống đài truyền thanh xã phường	68	68,69	163	43,1
5	Sách, báo, tạp chí, truyền hình	37	37,37	135	35,71

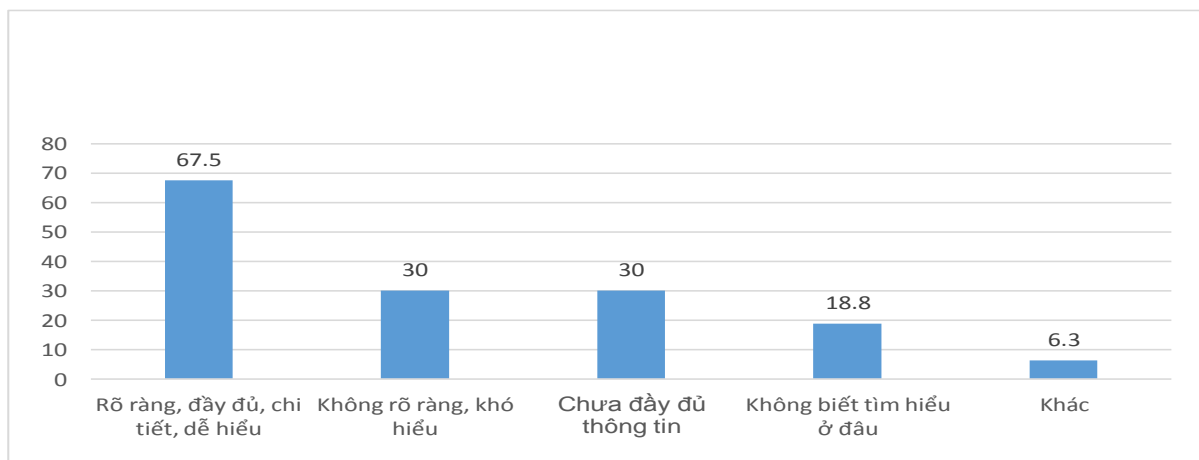
Nguồn: Viện Khoa học Lao động Xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội năm 2017.

**Hình 2.3: Hiểu biết và tiếp cận thông tin về BHXH tự nguyện của lao động phi chính thức**



*Nguồn:* Trịnh Thu Nga (2017): Khảo sát lao động phi chính thức-Một số phát hiện chính, Viện Khoa học lao động và xã hội (ILSSA), Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp cùng Tổ chức lao động quốc tế (ILO).

**Hình 2.4: Đánh giá của người đang tham gia về công tác thông tin, tuyên truyền về chính sách BHXH**

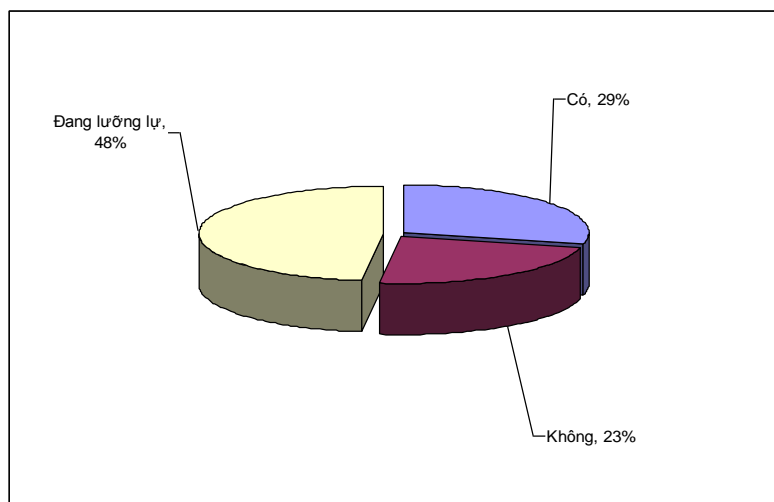


*Nguồn:* Trịnh Thu Nga (2017): Khảo sát lao động phi chính thức-Một số phát hiện chính, Viện Khoa học lao động và xã hội (ILSSA), Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp cùng Tổ chức lao động quốc tế (ILO).

**Bảng 2.15: Đánh giá về thủ tục đăng ký tham gia BHXH tự nguyện**

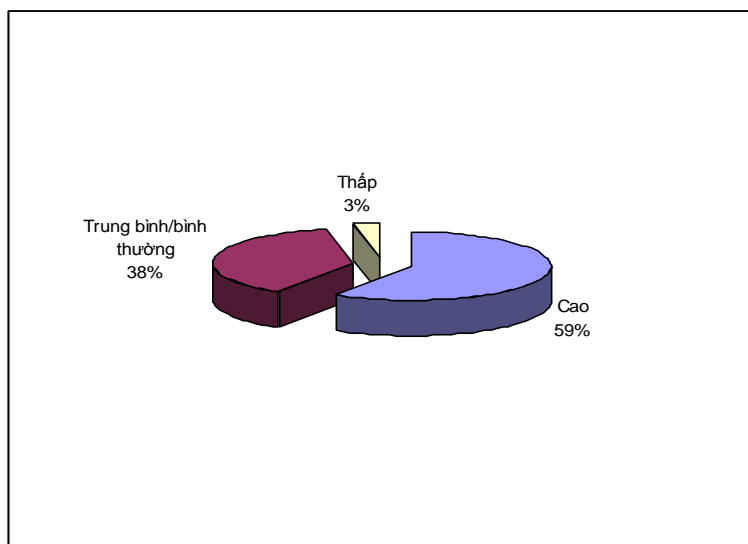
STT	Thủ tục	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Đơn giản	267	68,1
2	Phức tạp	125	31,9
	<b>Tổng</b>	<b>392</b>	<b>100</b>

**Hình 2.5: Nhu cầu tham gia BHXH tự nguyện của người lao động PCT**



*Nguồn:* Viện Khoa học Lao động Xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội năm 2017.

**Hình 2.6: Ý kiến của người lao động về mức đóng phí BHXH tự nguyện**



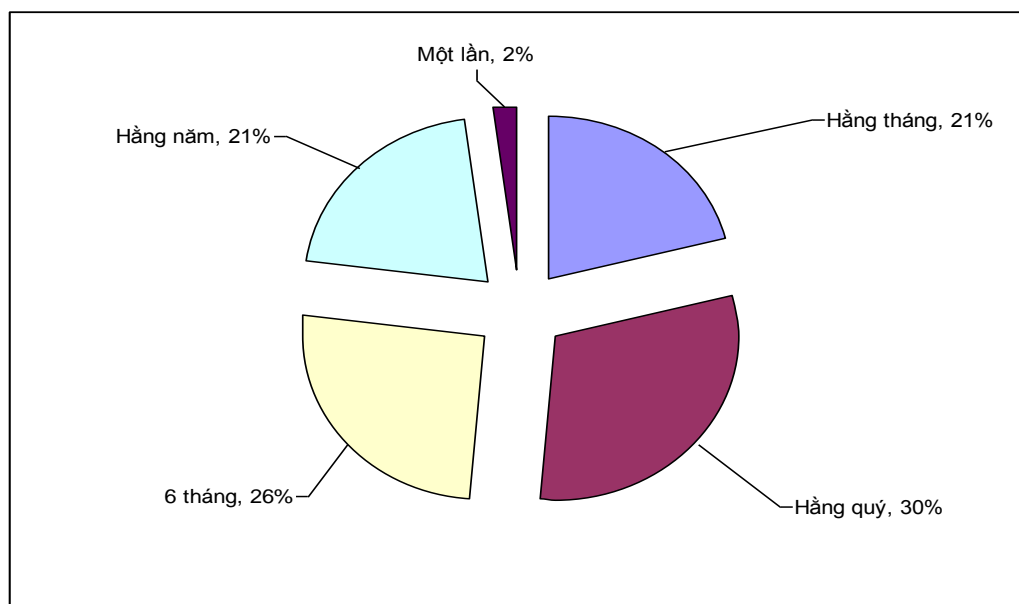
*Nguồn:* Viện Khoa học Lao động Xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội năm 2017.

**Bảng 2.16: Mức đóng phí BHXH tự nguyện phù hợp**

STT	Mức đóng	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
1	Tối thiểu bằng 22% mức lương tối thiểu	35	15
2	Tối thiểu bằng 22% mức chuẩn nghèo ở nông thôn	188	81
3	Khác	9	4
	<b>Tổng</b>	<b>232</b>	<b>100</b>

*Nguồn:* Viện Khoa học Lao động Xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội năm 2017.

**Hình 2.7: Phương thức đóng phí**



*Nguồn:* Viện Khoa học Lao động Xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội năm 2017.

## **2.5. Đánh giá chung**

### *2.5.1. Kết quả đạt được*

- Bảo hiểm xã hội nói chung, BHXH tự nguyện nói riêng là nhằm đáp ứng nhu cầu cơ bản và thiết yếu cho người lao động, do đó được Nhà nước rất quan tâm.

- Mặc dù mức độ bao phủ số người tham gia BHXH tự nguyện còn thấp, mức hưởng chưa cao nhưng qua kết quả triển khai chính sách này trong thời gian qua cho thấy số người tham gia và hưởng liên tục tăng qua các năm, các chỉ tiêu kế hoạch đề ra đều vượt chỉ tiêu.

- Chính sách BHXH tự nguyện được thiết kế bao phủ toàn bộ người lao động không thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc đã tạo cơ hội cho mọi tầng lớp lao động trong xã hội có quyền tham gia và hưởng BHXH, tạo sự công bằng và bình đẳng trong xã hội.

- Chính sách BHXH tự nguyện ra đời đã đảm bảo được tính liên thông giữa 2 loại hình BHXH bắt buộc và tự nguyện.

Ngoài ra, chính sách BHXH tự nguyện còn góp phần làm cho thị trường lao động linh hoạt hơn, tạo điều kiện cho người lao động có thể dịch chuyển giữa các khu vực kinh tế.

### *2.5.2. Hạn chế và nguyên nhân*

#### **Hạn chế**

*Một là*, mức độ bao phủ của BHXH tự nguyện còn rất thấp.

*Hai là*, giữa nhu cầu và khả năng tham gia BHXH tự nguyện còn khoảng cách rất xa. Nhu cầu tham gia BHXH tự nguyện của người lao động để đảm bảo an sinh cho chính bản thân mình là rất lớn, nhưng khả năng đóng góp lại hạn chế.

*Ba là, nhận thức của người lao động và xã hội về chính sách BHXH tự nguyện còn mờ nhạt.*

### **Nguyên nhân**

#### *a. Chính sách BHXH tự nguyện*

*Một là, mức đóng BHXH tự nguyện quy định khá cao so với thu nhập.*

*Hai là, phương thức đóng phí chưa linh hoạt, đa dạng để người lao động lựa chọn.*

*Ba là, quy định về điều kiện hưởng các chế độ chưa đảm bảo sự công bằng, bình đẳng giữa 2 loại hình BHXH bắt buộc và tự nguyện, quyền lợi được hưởng các chế độ chưa bảo đảm cho người tham gia BHXH tự nguyện ổn định cuộc sống khi về già.*

*Bốn là, vẫn còn phần lớn người lao động và nhân dân chưa nhận thức đầy đủ về nội dung, ý nghĩa, tầm quan trọng của các chính sách BHXH cũng như quy trình, thủ tục đăng ký khi tham gia BHXH tự nguyện.*

*Năm là, chưa có chính sách hỗ trợ cụ thể của Nhà nước đối với người tham gia BHXH tự nguyện đối với lao động phi chính thức.*

#### *b. Tổ chức triển khai chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện*

*Một là, tổ chức bộ máy triển khai BHXH tự nguyện còn nhiều bất cập.*

*Hai là, công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH tự nguyện chưa được quan tâm đúng mức, hiệu quả chưa cao.*

*Ba là, quy trình, thủ tục đăng ký tham gia và thụ hưởng còn nhiều phức tạp.*

*Bốn là, sự phối hợp giữa cơ quan BHXH với các cấp, các ngành chưa chặt chẽ.*

#### *c. Từ phía người lao động*

*Một là, người lao động có thu nhập thấp và không ổn định.*

*Hai là, người lao động ít lo cho tương lai xa.*

*Ba là, người tham gia BHXH tự nguyện là những lao động rất khó quản lý và thường xuyên biến động.*

Tuy nhiên, ngoài những nguyên nhân nêu trên còn vấn đề cạnh tranh của các doanh nghiệp BHNT cũng ảnh hưởng rất lớn đến việc phát triển đối tượng tham gia BHXH tự nguyện.

## **CHƯƠNG 3: CÁC GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH VÀ ĐỀ XUẤT QUY TRÌNH THỰC HIỆN BẢO HIỂM XÃ HỘI TỰ NGUYỆN ĐỐI VỚI LAO ĐỘNG PHI CHÍNH THỨC Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM TỚI**

### **3.1. Bối cảnh mới tác động đến việc thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức**

#### *3.1.1. Bối cảnh quốc tế*

##### *a. Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) sụp đổ và sự thay thế bởi Hiệp định CPTPP*

Mặc dù ngày 23/01/2017, Tổng thống dân cử Mỹ Donald Trump đã ký sắc lệnh rút Mỹ khỏi Hiệp định thương mại TPP nhưng các nước thành viên còn lại vẫn đang cân nhắc khả năng triển khai hiệp định này mà không cần sự tham gia của Mỹ (Hòa Lộc, 2017)<sup>4</sup>. Do đó, việc Mỹ rút khỏi TPP không ảnh hưởng quá lớn tới Việt Nam, thậm chí, xét ở góc độ nào đó, còn tốt hơn cho nỗ lực phát triển nội lực, đẩy mạnh cải cách thể chế của nền kinh tế Việt Nam. Dù Mỹ rút khỏi TPP, dù TPP không thành hiện thực thì những cơ chế thay thế hiện nay là CPTPP đã được hình thành và thay thế.

Hiệp định CPTPP về cơ bản giữ nguyên nội dung của Hiệp định TPP nhưng cho phép các nước thành viên tạm hoãn một số ít các nghĩa vụ để bảo đảm sự cân bằng trong bối cảnh mới.

Cũng như TPP, CPTPP được coi là một hiệp định thương mại tự do (FTA) tiêu chuẩn cao, không chỉ đề cập tới các lĩnh vực truyền thống như cắt giảm thuế quan đối với hàng hóa, mở cửa thị trường dịch vụ, sở hữu trí tuệ, hàng rào kỹ thuật liên quan đến thương mại v.v. mà còn xử lý những vấn đề mới, phi truyền thống như lao động, môi trường, mua sắm của Chính phủ, doanh nghiệp Nhà nước v.v.

##### *b. Cộng đồng Kinh tế ASEAN (AEC)*

Theo Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Việt Nam đang xuất khẩu nhiều lao động sang các nước ASEAN, đặc biệt là Malaysia với hàng nghìn chỉ tiêu mỗi năm, làm nhiều loại ngành nghề khác nhau. Nhiều ngân hàng, doanh nghiệp Việt Nam đã mở chi nhánh, hoạt động khá hiệu quả tại Lào, Campuchia cũng cho thấy khả năng hội nhập nhanh chóng của lao động Việt Nam trong ASEAN gắn với dòng di chuyển thương mại, vốn đầu tư, dịch vụ.

Bên cạnh đó, vấn đề quan trọng nhất là các chính sách đảm bảo cho người lao động được yên tâm làm việc và sẵn sàng theo gia vào dòng di chuyển lao động quốc tế. Bảo hiểm xã hội nói chung và bảo hiểm xã hội tự nguyện sẽ vẫn là một chính sách quan trọng cho người lao động.

#### *3.1.2. Bối cảnh kinh tế-xã hội trong nước*

---

<sup>4</sup> Hòa Lộc (2017) “Mỹ rút khỏi TPP, Việt Nam sẽ thế nào?”. Truy cập tại: <http://www.baomoi.com/my-rut-khoi-tpv-viet-nam-se-the-nao/c/21409454.epi>



Kinh tế Việt Nam năm 2017 đạt mức tăng trưởng 6,81%<sup>5</sup>, đây là mức tăng cao nhất trong 5 năm qua. Ngoài những thành tích nổi bật trong năm qua, nền kinh tế nước ta đang đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: tốc độ tăng trưởng tăng, lạm phát được kiểm soát nhưng vẫn tiềm ẩn nguy cơ tăng cao với những rủi ro, bất ổn từ bên trong, tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp vẫn còn nhiều rủi ro, nhất là các doanh nghiệp nhỏ và vừa; vùng bị ô nhiễm môi trường biển chưa được khắc phục kịp thời.

*Thứ tư, tác động của cách mạng 4.0 đến vấn đề việc làm, đời sống người lao động.*

Trong cuộc cách mạng công nghiệp thứ tư, những yếu tố mà các nước như Việt Nam đã và đang tự coi là có ưu thế như lực lượng lao động thủ công trẻ, dồi dào sẽ không còn là thế mạnh nữa, thậm chí bị đe dọa nghiêm trọng. Trong tương lai, người dân có thể mất việc làm, bởi những lĩnh vực mà công nghệ robot có thể tác động tới trải dài từ dệt may, dịch vụ, giải trí cho đến y tế, giao thông, giáo dục... Do đó, việc cần có chính sách hỗ trợ, tự bảo đảm an sinh cho người lao động, nhất là lao động phi chính thức ở các nhóm nghèo, yếu thế lại cần thiết hơn bao giờ hết.

### *3.1.3. Chương trình cải cách toàn diện về bảo hiểm xã hội*

Hiện nay, tình trạng nghỉ hưu sớm trong điều kiện dân số già hóa với tuổi thọ ngày càng tăng đang và sẽ là một gánh nặng lớn cho quỹ bảo hiểm xã hội (BHXH). Việc điều chỉnh tăng lương hưu nhiều năm qua theo cách cào bằng dẫn tới có sự chênh lệch lớn giữa lương hưu của nhiều đối tượng. Chính sách cào bằng trong điều chỉnh tăng lương hưu đang là một trong những bất cập hạn chế của BHXH hiện nay. Hiện nay Việt Nam đang có khoảng 11,2 triệu người hưởng BHXH hàng tháng. Đến năm 2030, dự kiến có thêm 5,4 triệu người hưởng lương từ quỹ. Đến năm 2050, sẽ có thêm 10 triệu người nữa. Độ tuổi nghỉ hưu hiện nay là 57 tuổi nhưng thực tế là 54 tuổi. Trong khi tuổi thọ trung bình khoảng 78 tuổi. Do đó, thời gian hưởng khoảng 25 năm, trong khi thời gian đóng chỉ khoảng 28 năm. Sự bất hợp lý trong việc đóng và hưởng, cộng với số người hưởng lương hưu ngày càng tăng tạo ra nhiều nguy cơ cho quỹ BHXH. Việt Nam cũng là một trong số ít các nước tồn tại thực tế người đóng BHXH ít lại được hưởng nhiều lương hưu.

## **3.2. Mục tiêu**

### *3.2.1. Mục tiêu chung*

Theo đó, ngành bảo hiểm xã hội Việt Nam phấn đấu đến năm 2020 có 35% lực lượng lao động tham gia bảo hiểm thất nghiệp, 50% tham gia bảo hiểm xã hội và trên 80% dân số tham gia bảo hiểm y tế; tiến tới bảo hiểm xã hội cho mọi người lao động và bảo hiểm y tế toàn dân.

### *3.2.2. Một số mục tiêu cụ thể*

- Thực hiện có hiệu quả các chính sách, chế độ BHXH; tăng nhanh diện bao phủ đối tượng tham gia BHXH, nhất là BHXH tự nguyện; phấn đấu đến năm

<sup>5</sup> <https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=18667>.

2020 cả nước có khoảng 50% lực lượng lao động tham gia BHXH, trong đó có 3 triệu người tham gia BHXH tự nguyện.

- Sử dụng an toàn và bảo đảm cân đối quỹ BHXH trong dài hạn; xây dựng hệ thống BHXH hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

### **3.3. Một số quan điểm định hướng nhằm hoàn thiện chính sách và quy trình thực hiện hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức trong thời gian tới**

#### *3.3.1. Quan điểm chung*

*Thứ nhất*, BHXH nói chung và BHXH tự nguyện nói riêng cần được coi là một trụ cột quan trọng trong hệ thống chính sách về an sinh xã hội.

*Thứ hai*, BHXH cần đặt trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

*Thứ ba*, cần coi trọng việc mở rộng các đối tượng tham gia BHXH nói chung và BHXH tự nguyện nói riêng.

#### *3.3.2. Một số quan điểm cụ thể*

*Thứ nhất*, BHXH tự nguyện là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước nhằm thực hiện mục tiêu phát triển hệ thống ASXH theo Nghị quyết Đại hội XI của Đảng.

*Thứ hai*, Nhà nước tạo điều kiện và đổi mới cơ chế cho người lao động tham gia BHXH tự nguyện.

*Thứ ba*, tăng cường công tác thông tin tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về BHXH tự nguyện đến mọi tầng lớp lao động trong xã hội.

### **3.4. Các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức trong thời gian tới**

#### *3.4.1. Căn cứ đề xuất giải pháp*

- Căn cứ vào cơ sở lý luận.
- Căn cứ và hạn chế và những vấn đề tồn tại đang đặt ra thời gian qua.
- Căn cứ vào bối cảnh mới, mục tiêu và định hướng trong thời gian tới

#### *3.4.2. Một số giải pháp*

##### **a. Nhóm các giải pháp chung**

(1) Về chính sách: Việt Nam cần bổ sung, sửa đổi và ban hành mới các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế phù hợp với xu thế phát triển và hội nhập theo hướng hiện đại, tương đồng với các quốc gia trong khu vực và thế giới.

(2) Về thông tin truyền thông: Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của hội nhập quốc tế trong lĩnh vực an sinh xã hội cho cán bộ ngành Bảo hiểm xã hội và toàn xã.

(3) Về tổ chức, bộ máy hoạt động: Củng cố và kiện toàn bộ máy thực hiện công tác hội nhập quốc tế trong toàn ngành Bảo hiểm xã hội theo tinh thần

Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII; kiện toàn đơn vị đầu mối về công tác đối ngoại của ngành về nhân sự, cơ cấu tổ chức và chức năng nhiệm vụ phù hợp đáp ứng nhu cầu hội nhập.

(4) Giải pháp về xây dựng nguồn nhân lực: Xây dựng và triển khai chiến lược phát triển nguồn nhân lực dài hạn trong lĩnh vực bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong đó có tính đến những nhu cầu về hội nhập quốc tế.

(5) Về tài chính và cơ sở vật chất: Bảo hiểm xã hội Việt Nam cần xem xét, lên phương án cụ thể về việc bố trí kinh phí tối đa 2% tổng chi quản lý bộ máy cho hoạt động đối ngoại; tăng cường kinh phí thực hiện công tác thông tin, tuyên truyền đối ngoại về chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và hoạt động của ngành Bảo hiểm xã hội.

## **b. Nhóm các giải pháp cụ thể**

### ***(1) Nhóm giải pháp về cơ chế chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện***

*Một là*, đảm bảo sự công bằng và bình đẳng về điều kiện hưởng 2 chế độ hưu trí và tử tuất giữa 2 loại hình BHXH bắt buộc và tự nguyện.

*Hai là*, đảm bảo quyền lợi cho người tham gia BHXH tự nguyện

*Ba là*, Nhà nước khẩn trương triển khai chính sách hỗ trợ đóng phí cho người tham gia BHXH tự nguyện.

### ***(2) Nhóm giải pháp về tổ chức triển khai bảo hiểm xã hội tự nguyện***

- Hoàn thiện bộ máy tổ chức, nâng cao trình độ cán bộ làm công tác bảo hiểm xã hội tự nguyện
- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và sự phối hợp của các Bộ, ban ngành, đoàn thể các cấp.
- Xây dựng chiến lược phát triển đối tượng tham gia
- Nâng cao chất lượng dịch vụ bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- Mở rộng mạng lưới và đào tạo các đại lý bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- Đẩy mạnh đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin, từng bước hiện đại hóa hệ thống quản lý bảo hiểm xã hội tự nguyện.
- Nâng cao hiệu quả đầu tư quỹ nhân rồi của bảo hiểm xã hội tự nguyện
- Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát việc chấp hành pháp luật về BHXH tự nguyện
- Phối hợp Chương trình bảo hiểm xã hội tự nguyện với các Chương trình mục tiêu khác

### ***(3) Đề xuất hình thức, công cụ thực hiện thí điểm***

Cơ sở, căn cứ:

- Căn cứ vào các kết quả thu được từ việc điều tra, khảo sát một số địa phương trong năm 2017 của Viện Khoa học Lao động Xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;

- Căn cứ vào quy định mới tại Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH) về BHXH tự nguyện, từ ngày 01/01/2018, ngân sách nhà nước sẽ hỗ trợ từ 10% đến 30% chi phí cho các đối tượng tham gia BHXH tự nguyện;

- Căn cứ vào Luật số 59/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội ban hành Luật căn cước công dân có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thời gian chuyển tiếp từ khi Luật này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019;

- Căn cứ vào Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2017 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an.

Đề tài đề xuất thực hiện thí điểm tích hợp thẻ căn cước công dân với BHXH tự nguyện, trong đó quy định rõ:

- Mã thẻ căn cước cũng chính là mã định danh của Thẻ BHXH tự nguyện;
- Giao cho cấp xã/phường thực hiện đăng ký lần đầu;
- Thực hiện liên thông, kết nối giữa các tỉnh theo mã định danh;
- Quy định cơ chế, đóng, hưởng tại nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú theo đúng quy định của Nhà nước.

#### *3.4.3. Các điều kiện đảm bảo thực hiện*

*Thứ nhất*, chính sách BHXH phải song hành và đặt ngang tầm với chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Đầu tư cho BHXH là đầu tư cho con người, phát triển bền vững chứ không phải phát triển thuần túy, được thực hiện với quyết tâm chính trị rất cao và sự đồng hành của cả xã hội.

*Thứ hai*, phải coi BHXH là trụ cột an sinh xã hội nhưng được lồng ghép trong các chương trình và nhiệm vụ phát triển kinh tế-xã hội.

*Thứ ba*, thực hiện đồng bộ, toàn diện, “trộn gói” các chính sách cải cách BHXH, liên quan tới các chính sách kinh tế-xã hội khác và thị trường lao động.

*Thứ tư*, cải cách chính sách BHXH song hành với cải cách bộ máy cơ quan thực hiện chính sách là hệ thống quản lý Quỹ BHXH.

*Thứ năm*, bảo đảm lộ trình cải cách BHXH gắn với khả năng kinh tế và ngân sách nhà nước; tôn trọng nguyên tắc đóng-hưởng, chia sẻ rủi ro và bảo đảm bền vững Quỹ BHXH, nhất là Quỹ hưu trí.

### **3.5. Đề xuất quy trình thực hiện hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức trong thời gian tới**

- Lồng ghép theo mã số định danh của CMDN hoặc Thẻ căn cước công dân.
- Quy định rõ chế độ đóng và hưởng linh hoạt theo nơi cư trú hoặc thường

trú, nơi làm việc của người lao động.

- Thực hiện sự kết nối linh hoạt như hình thức, công cụ thực hiện thí điểm đã nêu tại mục 3.4.2.

- Quy định hình thức in Thẻ như Thẻ căn cước công dân.

## KẾT LUẬN

Bảo hiểm xã hội tự nguyện là một chính sách lớn của Đảng và Nhà nước ta, tạo điều kiện cho người lao động thuộc khu vực PCT và lao động trong lĩnh vực nông, lâm, ngư, diêm nghiệp được hưởng lương hưu khi về già hoặc trợ cấp BHXH khi có các sự kiện bảo hiểm xảy ra, góp phần ổn định cuộc sống cho người lao động và gia đình họ, đảm bảo chính sách ASXH, thể hiện sự công bằng, bình đẳng, tiến bộ, văn minh và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, do đây là một chính sách mới ở Việt Nam, nên trong quá trình tổ chức triển khai không tránh khỏi những tồn tại, hạn chế làm cho đối tượng tham gia BHXH tự nguyện ở nước ta trong thời gian qua chiếm tỷ lệ còn thấp so với lao động thuộc diện tham gia. Do đó, việc hoàn thiện cơ chế chính sách và tổ chức triển khai chính sách BHXH tự nguyện là hết sức cần thiết, đòi hỏi sự nỗ lực không chỉ của riêng ngành BHXH Việt Nam mà phải có sự vào cuộc của các bộ, ban, ngành, đoàn thể chính trị - xã hội và cả hệ thống chính trị.

Kết quả nghiên cứu của Đề tài đã đưa ra các nhóm giải pháp có tính khả thi cao nhằm hoàn thiện cơ chế chính sách và tổ chức triển khai BHXH tự nguyện ở Việt Nam. Từ các nhóm giải pháp nêu trên, Đề tài có đưa ra kiến nghị và đề xuất quy trình thực hiện đối với BHXH tự nguyện cho phù hợp với bối cảnh của người lao động phi chính thức.

Tuy nhiên, qua việc thực hiện Đề tài, nhóm nghiên cứu nhận thấy, kết quả Đề tài sẽ thực tế hơn nữa, các đề xuất thực sự sẽ có giá trị hơn nếu thực hiện điều tra khảo sát để đánh giá những yếu tố ảnh hưởng cốt lõi và những yếu tố tạo động lực để thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội tự nguyện, nhất là cho đối tượng lao động phi chính thức với đặc thù công việc, nơi thường trú và thu nhập không ổn định. Đây chính là hướng mở để nhóm nghiên cứu tiếp tục thực hiện các nghiên cứu liên quan đến lĩnh vực này trong thời gian tới.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### I. Tài liệu tiếng Việt

1. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X (2008), *Nghị quyết số 21-NQ/TW về tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường*, ngày 30/01/2008.
2. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2012), *Nghị quyết số 15- NQ/TW của Hội nghị lần thứ năm về việc ban hành Một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012- 2020*, ngày 01/6/2012.
3. Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (2012), *Nghị quyết số 21- NQ/TW về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác BHXH, BHYT giai đoạn 2012-2020*, ngày 22/11/2012.
4. Báo cáo của Tổng cục Thống kê Quý II/2015.
5. Báo cáo của Tổng cục Thống kê và Tổ chức lao động Quốc tế về lao động phi chính thức và truy cứu tại: [Http://dantri.com.vn/viec-lam/lao-dong-phi-chinh-thuc-buon-chai-voi-luong-binh-quan-44-trieu-dong-thang-20171005010034374.htm](http://dantri.com.vn/viec-lam/lao-dong-phi-chinh-thuc-buon-chai-voi-luong-binh-quan-44-trieu-dong-thang-20171005010034374.htm).
6. Báo cáo nghiên cứu “Phát triển hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đến năm 2020” do Viện Khoa học lao động và xã hội và Cơ quan hợp tác Đức (GIZ) thực hiện năm 2013.
7. Bảo hiểm xã hội Việt Nam (từ 2008 đến 2015), *Báo cáo của Bảo hiểm xã hội Việt Nam từ năm 2008 đến 2015*, Hà Nội.
8. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2011): “Báo cáo Điều tra tình hình thực hiện pháp luật BHXH tự nguyện theo Luật BHXH”.
9. Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội (2008), *Thông tư số 02/2008/TT- BLĐTBXH về việc ban hành Hướng dẫn một số Điều về BHXH tự nguyện*, ngày 31/01/2008.
10. Bộ Lao động-Thương binh và xã hội (2016): Bản tin Cập nhật thị trường lao động hằng quý, số 8, quý 4 năm 2015.
11. Bộ Lao động-Thương binh và xã hội (2017): Bản tin Cập nhật thị trường lao động hằng quý, số 15, quý 3 năm 2017.
12. Bộ Lao động-Thương binh và xã hội: *Tổng hợp số liệu từ Bản tin cập nhật thị trường lao động Việt Nam hằng quý hằng năm*.
13. Bùi Hữu Đức (2014): “An sinh xã hội trong khu vực kinh tế phi chính thức-thực trạng và những chính sách cần triển khai”, liệu Hội thảo quốc tế, Đại học Thương mại 2016.
14. Bùi Sỹ Tuấn và Đỗ Minh Hải (2012): “An sinh Xã hội khu vực phi chính thức: Cần xác định bảo hiểm xã hội là lưới quan trọng”.
15. Bùi Văn Hồng (2004), *Nghiên cứu mở rộng đối tượng tham gia BHXH đối với người lao động tự tạo việc làm*, Đề tài khoa học, Trung tâm nghiên cứu khoa học BHXH, Hà Nội.
16. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1993), *Nghị định số 43/CP về việc ban hành Quy định tạm thời các chế độ BHXH áp dụng cho các thành phần kinh tế*, ngày 22/6/1993.
17. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1995), *Nghị định số 12/CP*

về việc ban hành Điều lệ BHXH Việt Nam, ngày 26/01/1995.

18. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1995), *Nghị định số 19/CP về việc ban hành Thành lập hệ thống BHXH Việt Nam*, ngày 16/02/1995.
19. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2007), *Nghị định số 190/2007/NĐ-CP về việc ban hành Hướng dẫn một số Điều trong Luật BHXH về BHXH tự nguyện*, ngày 28/12/2007.
20. Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2008), *Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình giảm nghèo nhanh và bền vững 61 huyện nghèo*, ngày 27/12/2008.
21. Chủ tịch Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa (1946), *Sắc lệnh số 105/SL về việc ban hành Quy định cấp hưu bổng cho công chức*, ngày 14/6/1946.
22. Chủ tịch Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa (1947), *Sắc lệnh số 29/SL về việc ban hành Quy định các chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hưu trí, tử tuất đối với công nhân*, ngày 12/3/1947.
23. Chủ tịch nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (1950), *Sắc lệnh số 76/SL về việc ban hành Quy định về các chế độ hưu trí, thai sản, chăm sóc y tế, tai nạn lao động và chế độ tử tuất đối với công chức*, ngày 20/5/1950.
24. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (2001), *Về giải quyết một số vấn đề về chính sách xã hội*, ngày 12/01/2001-19/01/2001.
25. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (1996), *Về giải quyết một số vấn đề về chính sách xã hội*, ngày 28/6/1996-01/7/1996.
26. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam giai đoạn 2011- 2020*, ngày 16/02/2011.
27. Đỗ Thị Xuân Phương (2010), *Đánh giá 3 năm triển khai Luật BHXH*, Đề tài khoa học, cơ quan BHXH Việt Nam, Hà Nội.
28. Đồng Quốc Đạt (2008) về “Thực trạng BHXH khu vực phi chính thức ở Việt Nam”, tài liệu Hội thảo quốc tế, Đại học Thương mại 2016.
29. Đồng Quốc Đạt (2008), *BHXH khu vực phi chính thức ở Việt Nam: Thực trạng và kiến nghị*, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 15 (431) tháng 8/2008.
30. Dương Thảo Phương (2014), *Pháp luật về bảo hiểm xã hội tự nguyện - Thực trạng và giải pháp*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
31. Giải Thành Công (2013): “Nghiên cứu Bảo hiểm xã hội: Thực trạng tiềm năng tham gia và các phương án mở rộng đối tượng”.
32. Hội đồng Chính phủ (1961), *Nghị định số 218/CP về việc ban hành Quy định về các chế độ BHXH cho công nhân viên chức*, ngày 27/12/1961.
33. Labuan (2012): *Lý thuyết hành vi về sự tham gia của bảo hiểm hội giáo*.
34. Lê Thị Quế (2012), *Cơ sở khoa học hoàn thiện chính sách BHXH tự nguyện ở Việt Nam*, Đề tài khoa học, cơ quan BHXH Việt Nam, Hà Nội.
35. Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006 và 2014.
36. Luật số 04/2017/QH14, ngày 12 tháng 6 năm 2017.
37. Luật số 59/2014/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội ban hành Luật



căn cước công dân có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2016 và thời gian chuyển tiếp từ khi Luật này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2019.

38. Mai Ngọc Cường (2014): “Nhà nước với việc mở rộng phạm vi bao phủ bảo hiểm xã hội tự nguyện”.
39. Meinner Matthias (2001): Nghiên cứu về An sinh xã hội cho khu vực phi chính thức ở Việt Nam – Bằng chứng từ các dữ liệu và nghiên cứu
40. Mô hình, cấu trúc chính sách an sinh xã hội và bảo hiểm xã hội xem chi tiết tại Báo cáo nghiên cứu “Phát triển hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đến năm 2020” do Viện Khoa học lao động và xã hội và Cơ quan hợp tác Đức (GIZ) thực hiện năm 2013.
41. Nghị định số 134/2015/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH) về BHXH tự nguyện
42. Nghị định số 43/2010/NĐ-CP.
43. Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII Đảng Cộng sản Việt Nam.
44. Nghị quyết số 112/NQ-CP ngày 30 tháng 10 năm 2017 về đơn giản hóa thủ tục hành chính, giấy tờ công dân liên quan đến quản lý dân cư thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Công an.
45. Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 01/6/2012, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XI.
46. Nghị quyết số 35 NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ.
47. Nguyễn Anh Vũ (2004), Cơ sở khoa học quản lý và tổ chức thu BHXH tự nguyện, Đề tài khoa học, Ban Thu BHXH, Hà Nội.
48. Nguyễn Bích Ngọc (2012), Một số kinh nghiệm của Trung Quốc đối với vấn đề BHXH ở khu vực phi chính thức, Thông tin khoa học BHXH, số 04, tr.42-45.
49. Nguyễn Thị Huyền Ngân (2015): “An sinh xã hội khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam”, liệu Hội thảo quốc tế, Đại học Thương mại 2016.
50. Nguyễn Thị Minh Nhân (2015); “Bàn về độ bao phủ thực tế về bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với lao động phi chính thức ở Việt Nam”, liệu Hội thảo quốc tế, Đại học Thương mại 2016.
51. Nguyễn Tiến Phú (2002), *Cơ sở lý luận cho việc định hướng thực hiện loại hình BHXH tự nguyện ở Việt Nam trong thời gian tới*, Đề tài khoa học, Cơ quan BHXH Việt Nam, Hà Nội.
52. Nguyễn Tiến Phú (2004), *Nghiên cứu xây dựng lộ trình thực hiện BHXH đối với mọi người lao động ở Việt Nam*, Đề tài khoa học, Trung tâm nghiên cứu khoa học BHXH, Hà Nội.
53. Nguyễn Tiệp (2011), *Giáo trình bảo hiểm xã hội*, Nhà xuất bản Lao động- Xã hội, Hà Nội.
54. Nguyễn Tiệp (2011), *Giáo trình bảo hiểm xã hội*, Nhà xuất bản Lao động- Xã hội, Hà Nội.
55. Nguyễn Văn Định (2005), *Giáo trình bảo hiểm*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
56. Nguyễn Văn Định (2008), *Giáo trình An sinh xã hội*, Nhà xuất bản Đại học Kinh

tế Quốc dân, Hà Nội.

57. Nguyễn Xuân Cường, Nguyễn Xuân Thọ, Hồ Huy Tựu (2012): “Một số nhân tố ảnh hưởng đến sự quan tâm tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện của người buôn bán nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Nghệ An”.
58. Oxfam (2015): “Rào cản pháp luật và thực tiễn đối với hoạt động di cư trong tiếp cận an sinh xã hội”.
59. Paulette Castel (2012): Nghiên cứu về chính sách hưu trí nông thôn và thành thị Trung Quốc những bài học cho Việt Nam.
60. PGS.TS.Lê Xuân Bá và cộng sự (2014): Vấn đề lao động việc làm khu vực phi chính thức trong hội nhập kinh tế quốc tế, Đề tài cấp nhà nước, Mã số: KX.02.02/11-15.
61. Phạm Đỗ Nhật Tân (2012): “Mở rộng đối tượng tham gia BHXH tự nguyện”.
62. Phạm Ngọc Hà (2011), *Các giải pháp tăng cường BHXH tự nguyện cho nông dân ở tỉnh Quảng Nam*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.
63. Phạm Thị Lan Hương và Nguyễn Văn Song (2014): “Thực trạng tham gia BHXH tự nguyện của người lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc”.
64. Phạm Thị Lan Phương (2015), *Nghiên cứu phát triển bảo hiểm xã hội tự nguyện đối với người lao động trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc*, Luận án tiến sĩ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam, Hà Nội.
65. Phạm Thị Tuệ (2015): “Nhận diện” kinh tế phi chính thức ở Việt Nam và định hướng phát triển.
66. Phạm Thị Tuệ và Mai Thị Dung (2015): “Bảo hiểm xã hội đối với việc làm phi chính thức tại Việt Nam”, liệu Hội thảo quốc tế, Đại học Thương mại 2016.
67. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1994), *Luật số 35/L/CTN về việc ban hành Bộ luật Lao động của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, ngày 23/6/1994.
68. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2003), *Luật số 18/2003/QH11 về việc ban hành Luật HTX*, ngày 26/11/2003.
69. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Luật số 71/2006/QH11 về việc ban hành Luật BHXH*, ngày 29/6/2006.
70. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2006), *Luật số 58/2014/QH13 về việc ban hành Luật BHXH*, ngày 20/11/2014.
71. Quyết định số 146/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 20/01/2016.
72. Sarah Bales và Paulette Castel (2006): Báo cáo Khảo sát về triển vọng tham gia BHXH tự nguyện cho khu vực phi chính thức ở Việt Nam: kiến nghị chính sách.
73. Thông tư số 01/2016/TT-BLĐTBXH.
74. Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2013), *Quyết định số 1215/QĐ-TTg về việc phê duyệt Chiến lược phát triển ngành BHXH đến năm 2020*, ngày 23/7/2013.
75. Tổng cục Thống kê (2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014), *Báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2008, 2009, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014*, Hà Nội.

76. Trần Đình Liệu (2005), *Tổ chức thực hiện BHXH trong các làng nghề ở Hải Dương- Thực trạng và giải pháp*, Đề tài khoa học, cơ quan BHXH tỉnh Hải Dương, Hải Dương.
77. Trần Yên Thái (2014), *Phát triển dịch vụ bảo hiểm xã hội tự nguyện cho nông dân trên địa bàn tỉnh Bình Định*, Luận văn thạc sĩ, Đại học Đà Nẵng, Đà Nẵng.
78. Trịnh Thu Nga (2017): Khảo sát lao động phi chính thức-Một số phát hiện chính, Viện Khoa học lao động và xã hội (ILSSA), Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội phối hợp cùng Tổ chức lao động quốc tế (ILO).
79. Trương Thị Phụng (2012): “Các nhân tố ảnh hưởng đến ý định tham gia BHXH tự nguyện của người lao động khu vực phi chính thức tại tỉnh Phú Yên”.
80. Từ điển Bách khoa Việt Nam.
81. Văn phòng khu vực châu Á Thái Bình Dương (1993), *Hệ thống BHXH nông dân trong các nước đang phát triển*, Nhà xuất bản An sinh xã hội Quốc tế, văn phòng khu vực châu Á Thái Bình Dương, New Delhi, India.
82. Viện Khoa học Lao động và Xã hội (2012): “Nghiên cứu về cơ sở lý luận và thực tiễn xây dựng chính sách khuyến khích tham gia BHXH tự nguyện đối với lao động nghèo, lao động là người dân tộc thiểu số, nông dân có mức thu nhập từ trung bình trở xuống”.
83. Viện Khoa học lao động và xã hội và Cơ quan hợp tác Đức (GIZ) (2013): “Phát triển hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam đến năm 2020”.
84. Viện Khoa học lao động và xã hội và Quỹ Hanns Seidel Foundation (2012): An sinh xã hội cho khu vực phi chính thức và người lao động phi chính thức ở Việt Nam: Kết quả rà soát tài liệu và cơ sở dữ liệu.
85. Viện Khoa học Lao động Xã hội – Bộ Lao động Thương binh và Xã hội năm 2017: Khảo sát bảo hiểm xã hội tự nguyện năm 2017 tại một số tỉnh điển hình trong khuôn khổ dự án do ILO tài trợ.
86. Viện nghiên cứu Lao động và Tổ chức Lao động Quốc tế (1995), *BHXH trong hợp tác xã*, Hội nghị quốc gia về hợp tác xã (NATCCO), 227 JP Rizal SHORT-TERM., Project 4, Q.C.

## II. Tài liệu tiếng nước ngoài

1. Castel P. (2005), Voluntary Defined Benefit Pension System Willingness to Participate the Case of Vietnam, từ [http://www.umdcipe.org/conferences/policy\\_exchanges/conf\\_papers/Papers/2381.pdf](http://www.umdcipe.org/conferences/policy_exchanges/conf_papers/Papers/2381.pdf)
2. ILO (1999), “*Social Security in the world*”, ISBN 92-2-110736-1.
3. Landis MacKellar (2009), Pension Systems for the Informal Sector in Asia, từ <http://siteresources.worldbank.org/SOCIALPROTECTION/Resources/SP-Discussion-papers/Pensions-DP/0903.pdf>
4. [Http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms\\_428974.pdf](http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_428974.pdf)

### III. Các trang website tra cứu, sử dụng

1. Báo cáo của Tổng cục Thống kê và Tổ chức lao động Quốc tế về lao động phi chính thức và truy cứu tại: [Http://dantri.com.vn/viec-lam/lao-dong-phi-chinh-thuc-buon-chai-voi-luong-binh-quan-44-trieu-dong-thang-20171005010034374.htm](http://dantri.com.vn/viec-lam/lao-dong-phi-chinh-thuc-buon-chai-voi-luong-binh-quan-44-trieu-dong-thang-20171005010034374.htm).
2. Hòa Lộc (2017) “Mỹ rút khỏi TPP, Việt Nam sẽ thế nào?”. Truy cập tại: <http://www.baomoi.com/my-rut-khoi-tpv-viet-nam-se-the-nao/c/21409454.epi>
3. Hoàng Bá (2013), *BHXX tự nguyện: Người dân chưa mặn mà*, Thời báo Ngân hàng, truy cập ngày 07/5/2013, từ [Http://www.thoibaonganhang.vn](http://www.thoibaonganhang.vn).
4. [Http://baodansinh.vn/thu-hut-lao-dong-khu-vuc-phi-chinh-thuc-va-he-thong-bhxx-nhieu-thach-thuc-d15465.html](http://baodansinh.vn/thu-hut-lao-dong-khu-vuc-phi-chinh-thuc-va-he-thong-bhxx-nhieu-thach-thuc-d15465.html)
5. [Http://baohiemxahoi.gov.vn/index.aspx?u=nws&su=d&cid=398&id=12001](http://baohiemxahoi.gov.vn/index.aspx?u=nws&su=d&cid=398&id=12001).
6. [Http://bhxhvn.com.vn/thutuchanhchinh/tabid/227/u/detail/itemid/69/TopMenuId/-1/URLCate/227/stItem/8/Default.aspx](http://bhxhvn.com.vn/thutuchanhchinh/tabid/227/u/detail/itemid/69/TopMenuId/-1/URLCate/227/stItem/8/Default.aspx).
7. [Http://www.baohiemxahoi.gov.vn/?u=nws&su=d&cid=829&id=11268](http://www.baohiemxahoi.gov.vn/?u=nws&su=d&cid=829&id=11268).
8. [Http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms\\_428974.pdf](http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_428974.pdf)
9. [Http://www.nhandan.com.vn/xahoi/tin-tuc/item/27585002-mo-rong-chinh-sach-bao-hiem-xa-hoi-cho-lao-dong-phi-chinh-thuc.html](http://www.nhandan.com.vn/xahoi/tin-tuc/item/27585002-mo-rong-chinh-sach-bao-hiem-xa-hoi-cho-lao-dong-phi-chinh-thuc.html).
10. [Https://baohiemxahoi.gov.vn/Pages/default.aspx](https://baohiemxahoi.gov.vn/Pages/default.aspx)
11. [Https://luatminhkhue.vn/kien-thuc-luat-lao-dong/bao-hiem-xa-hoi-phi-chinh-thuc-o-viet-nam-thuc-trang-va-kien-nghi.aspx](https://luatminhkhue.vn/kien-thuc-luat-lao-dong/bao-hiem-xa-hoi-phi-chinh-thuc-o-viet-nam-thuc-trang-va-kien-nghi.aspx)
12. [Https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3o\\_hi%E1%BB%83m\\_x%C3%A3\\_h%E1%BB%99i](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3o_hi%E1%BB%83m_x%C3%A3_h%E1%BB%99i)
13. [Https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=18667](https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=18667)
14. [Https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=18669](https://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=18669)
15. Mỹ Hoa (2011), *Tham gia BHXX tự nguyện: Vì sao ít thu hút người dân tham gia*, Báo Quảng Ngãi, truy cập ngày 09/10/2011, từ [Http://www.baoquangngai.vn](http://www.baoquangngai.vn)
16. Trần Đức Lượng (2014), *Công tác thanh tra thực hiện chính sách BHXX- Thực trạng và giải pháp*, truy cập ngày 23/10/2014, từ [HHhttp://www.tapchibaohiem.gov.vn](http://www.tapchibaohiem.gov.vn).
17. Việt Anh (2013), *Để BHXX tự nguyện trở thành chỗ dựa cho lao động tự do*, Báo tỉnh Bắc Ninh, truy cập ngày 31/7/2013, từ [Http://www.baobacninh.com.vn](http://www.baobacninh.com.vn).